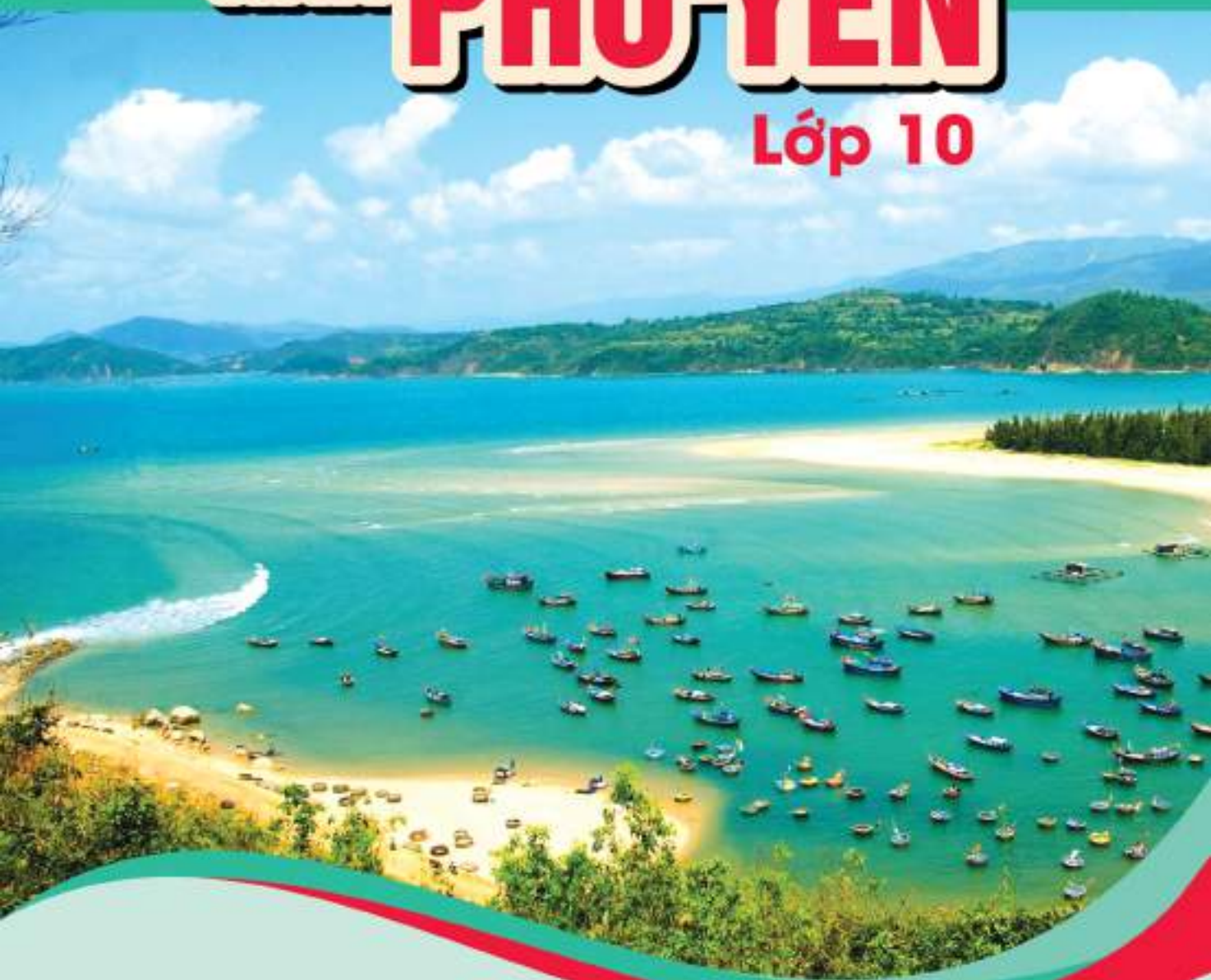


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH PHÚ YÊN
Lớp 10



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH PHÚ YÊN
Lớp 10

Ban biên soạn

1. Ngô Ngọc Thư – Chủ biên, Trưởng ban
2. Dương Bình Luyện – Phó Trưởng ban

Các thành viên

3. Nguyễn Thị Mỹ Chung
4. Lê Thị Kim Đinh
5. Bùi Thị Ngọc Hạnh
6. Nguyễn Bảo Hoà
7. Nguyễn Văn Hợp
8. Đặng Hồ Lim Ka
9. Hồ Tấn Nguyên Minh
10. Nguyễn Thị Liên Nga
11. Nguyễn Thị Ngạn
12. Lê Duy Nhất
13. Nguyễn Xuân Thành
14. Đinh Như Thanh
15. Lê Tấn Thích
16. Nguyễn Bảo Toàn
17. Nguyễn Thị Thu Trang

Lời nói đầu

Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Phú Yên được biên soạn nhằm giúp học sinh nâng cao hiểu biết về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của tỉnh. Từ đó góp phần rèn luyện những phẩm chất, năng lực được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đồng thời bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần gìn giữ, bảo tồn, phát huy những giá trị văn hoá của quê hương.

Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Phú Yên lớp 10 được biên soạn theo các chủ đề, tương ứng với mạch kiến thức Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Mỗi chủ đề được thiết kế theo hướng mở, linh hoạt để trong quá trình dạy học, giáo viên có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương và thực tiễn dạy học trong nhà trường, song vẫn bảo đảm mức độ yêu cầu chung của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Phú Yên lớp 10 không chỉ dùng để dạy và học mà còn là tư liệu để trải nghiệm, khám phá những nét đẹp của vùng đất và con người Phú Yên.

Trong quá trình biên soạn, mặc dù nhóm tác giả đã cố gắng chất lọc tư liệu để vừa giới thiệu những nét cơ bản về nội dung giáo dục địa phương, vừa đảm bảo tính khoa học, vừa sức với đối tượng học sinh lớp 10 nhưng khó tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý từ quý thầy cô giáo, phụ huynh, các em học sinh,... để lần tái bản sau được hoàn chỉnh hơn.

Ban biên soạn

Mục lục

	Trang
Lời nói đầu	3
Các kí hiệu sử dụng trong tài liệu	5
Chủ đề 1. Cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Phú Yên	6
Chủ đề 2. Biến đổi khí hậu ở Phú Yên	20
Chủ đề 3. Các ngành nông – lâm – thuỷ sản, công nghiệp ở Phú Yên	29
Chủ đề 4. Lao động và việc làm ở Phú Yên	44
Chủ đề 5. Văn học dân gian Phú Yên	51
Chủ đề 6. Một số bài dân ca Chăm H'roi ở Phú Yên	62
Chủ đề 7. Nhà ở truyền thống của một số vùng miền ở Phú Yên	68
Bảng giải thích thuật ngữ	76

CÁC KÍ HIỆU SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU



MỤC TIÊU

Nêu những năng lực, phẩm chất, thái độ học sinh cần đạt được sau khi học.



KHOẪI ĐỘNG

Tạo hứng khởi, kích thích tư duy, kết nối những điều học sinh đã biết để dẫn dắt vào bài mới.



KHÁM PHÁ

Thông qua các hoạt động học tập giúp học sinh khai thác, tìm hiểu, tiếp nhận kiến thức mới.



LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG

Thực hành để củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng; vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống thực tiễn.



Đưa ra câu hỏi để học sinh tìm câu trả lời cho phần đã học, qua đó tự kiểm soát việc hiểu của mình.

Em có biết?

Thông tin hỗ trợ, bổ sung để làm rõ hơn nội dung chính.



Nghe và tập hát đúng giai điệu.

Cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Phú Yên



MỤC TIÊU

- Nêu được thành phần dân tộc thiểu số ở Phú Yên.
- Trình bày được những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần của cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Phú Yên.
- Có ý thức giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá của cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Phú Yên.



KHOẢNG ĐỘNG

Hãy kể tên và chia sẻ những hiểu biết của em về cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Phú Yên.



Hình 1.1. Ngày hội Văn hoá, Thể thao và Du lịch các dân tộc tỉnh Phú Yên lần thứ XI – 2022
(Nguồn: phuyen.gov.vn)



KHÁM PHÁ

I. CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở PHÚ YÊN



Dựa vào Bảng 1.1 và Hình 1.2, em hãy:

- Kể tên các dân tộc thiểu số ở Phú Yên có quy mô dân số: lớn hơn 1 000 người; nhỏ hơn 10 người.
- Nhận xét về cơ cấu dân số theo dân tộc ở Phú Yên.

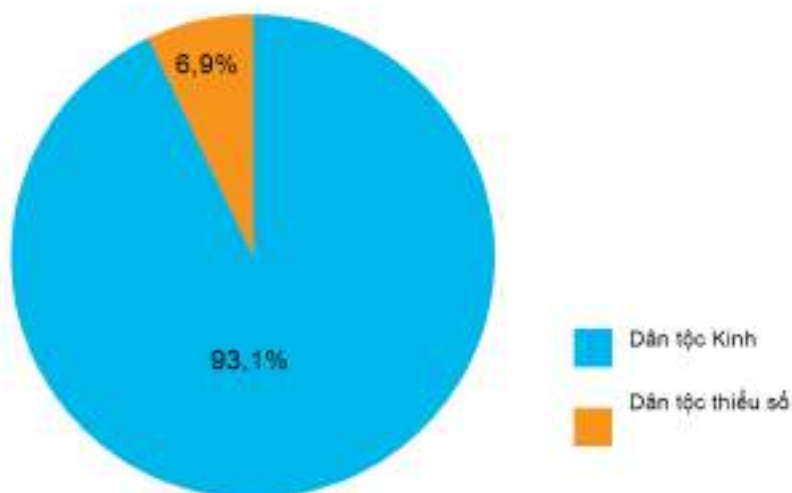
Theo Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, dân số tỉnh Phú Yên có 872 964 người. Trong đó, các dân tộc thiểu số có 60 134 người (chiếm 6,9%). Các dân tộc thiểu số phần lớn cư trú trên địa bàn các huyện: Đồng Xuân, Sơn Hoà, Sông Hinh, Tây Hoà và Tuy An.

Bảng 1.1. Dân tộc và dân số tỉnh Phú Yên năm 2019

STT	Dân tộc	Dân số (người)	STT	Dân tộc	Dân số (người)
1	Kinh	812 830	18	Sán Dìu	50
2	Tày	2 349	19	Hrê	164
3	Thái	298	20	Mnông	9
4	Hoa	171	21	Ra-glai	50
5	Khmer	59	22	Xtiêng	9
6	Mường	231	23	Thổ	44
7	Nùng	2 283	24	Cơ-tu	1
8	Hmông	192	25	Giê-Triêng	3
9	Dao	1 031	26	Mạ	1
10	Gia-rai	368	27	Khơ-mú	10
11	Ngái	2	28	Co	1
12	Ê-đê	25 225	29	Tà-ôi	4
13	Ba-na	4 680	30	Chơ-ro	7
14	Xơ-đăng	4	31	Chu-ru	3
15	Sán Chay	27	32	Lào	12
16	Cơ-ho	14	33	Si La	1
17	Chăm	22 825			

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Phú Yên, Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019 tỉnh Phú Yên)





Hình 1.2. Cơ cấu dân số theo dân tộc ở Phú Yên năm 2019
(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Phú Yên)

II. NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở PHÚ YÊN

1. Đời sống vật chất



Trình bày những nét chính về đời sống vật chất của các dân tộc thiểu số ở Phú Yên.

• Một số hoạt động kinh tế

Phú Yên là địa bàn sinh sống của nhiều thành phần dân tộc, trong đó các dân tộc Chăm, Ba-na, Ê-đê,... là những dân tộc sinh sống lâu đời trên vùng đất này. Các dân tộc thiểu số ở Phú Yên phần lớn cư trú ở miền núi và trung du. Hoạt động sản xuất truyền thống chủ yếu dựa vào kinh tế nương rẫy với công cụ và kỹ thuật canh tác khá thô sơ. Lúa nước được trồng ở những khu vực ven sông, suối nên có diện tích không lớn. Trên nương rẫy, ngoài trồng lúa, người dân còn trồng bắp (ngô), khoai và các loài cây ăn quả,... Ngày nay, nhiều dân tộc đã biết áp dụng kỹ thuật canh tác mới; một số thiết bị máy móc, phương tiện cơ giới cũng được đưa vào phục vụ sản xuất.

Ngoài ra, kinh tế hái lượm – săn bắt cũng cung cấp cho đồng bào các dân tộc thiểu số một khối lượng sản phẩm không nhỏ. Thu hái rau rừng, mật ong, đánh bắt cá ở sông hồ,... là những hoạt động kinh tế khá phổ biến và thường diễn ra theo mùa.

Các nghề thủ công truyền thống như dệt vải, rèn, đan lát, chế tác đồ trang sức, làm các dụng cụ sinh hoạt cũng là những hoạt động kinh tế thường xuyên. Ngoài ý nghĩa đáp ứng nhu cầu cuộc sống, thông qua các sản phẩm thủ công truyền thống, cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Phú Yên còn thể hiện tài năng, nhận thức thẩm mỹ và bản sắc văn hoá của dân tộc mình.





Hình 1.3. Thiếu nữ Ê-đê dệt vải (xã Krông Pa, huyện Sơn Hoà)
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)

• Ăn

Trong bữa ăn hằng ngày của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Phú Yên thường có cơm tẻ và các món ăn chế biến từ thịt, cá, rau, bắp, sắn, măng, nấm,... Rượu cần là đồ uống phổ biến trong các lễ hội.



Hình 1.4. Canh bời của người Ê-đê ở huyện Sông Hinh
(Ảnh: Trần Ân)

Em có biết?

Món ăn ưa thích của người Ê-đê là thịt hong khô, nướng, giã nhỏ nấu với lá sắn vò nát, thêm vào đó ít muối, ớt. Khi bắt được nhiều cá, họ thường nướng chín, sau đó gác trên giàn bếp để ăn dần.

Món ăn ưa thích của người Ba-na là thịt luộc, thịt nướng, thịt muối. Người Ba-na không thích các món xào, chiên (rán). Trong bữa ăn, cha mẹ, vợ chồng, con cái ngồi theo vị trí được quy định và ăn theo phần được chia.

Người Chăm có tục chế biến thịt, cá để ăn dần. Họ thường dùng cây lồ ô chẻ mỏng, kẹp thành xâu 4 – 5 con cá (sông, suối, ...) rồi để lên bếp hong khô. Thịt bò, thịt nai tẩm muối đem phơi khô, khi ăn đem nướng rồi giã nhỏ, trộn với muối ớt. Thịt heo (lợn) cắt nhỏ, tẩm muối thật mặn, bỏ vào chum, vại để khoảng 2 – 3 tháng, khi lấy ra ăn sẽ không còn chất béo.

• Mặc

Trang phục truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Phú Yên rất đa dạng, phong phú. Mỗi dân tộc thường có trang phục truyền thống với hoa văn, chất liệu và màu sắc riêng.



a. Phụ nữ Ê-đê



b. Phụ nữ Chăm



c. Phụ nữ Ba-na

Hình 1.5. Trang phục một số dân tộc thiểu số ở Phú Yên
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)

Em có biết?

Trang phục truyền thống của người Ê-đê: đàn ông đóng khố, mặc áo xẻ ngực có các đường hoa văn chạy dọc hai bên hông. Phụ nữ mặc váy và áo chui đầu có hoa văn ở vai, đoạn tay gần bả vai và cổ tay. Nam nữ đều thích đeo vòng tay. Phụ nữ và trẻ em thường đeo kiềng bạc ở cổ.

Trang phục truyền thống của người Ba-na: đàn ông đóng khố, mặc áo có nền vải màu đen, xanh chàm, cổ tròn, tay ngắn, hai bên hông áo có đường xẻ, được viền nhiều màu, có khuy cài cúc hoặc buộc bằng sợi vải màu đỏ. Phụ nữ mặc áo, váy được trang trí nhiều hoa văn với màu sắc sặc sỡ. Phụ nữ thường đeo hoa tai, vòng tay, vòng cổ bằng bạc hoặc hạt cườm,...

Trang phục truyền thống của người Chăm: thanh niên, trung niên thường mặc trang phục màu trắng, không hoa văn và khoác chiếc áo màu đen có trang trí hoa văn. Trong các lễ hội hoặc sinh hoạt cộng đồng quan trọng, đàn ông lớn tuổi thường mặc áo màu chàm, dài tay, quần màu đen hoặc trắng. Ở các buôn làng vùng cao, đàn ông thường đóng khố.

Phụ nữ Chăm thường dùng khăn choàng vai, mặc áo màu trắng, cổ tròn, không có hoa văn trang trí; áo xẻ tà, cài cúc, màu áo đơn sắc, thường là màu trắng, đỏ, xanh, vàng; kiểu áo tương đồng với áo của phụ nữ Ba-na, được trang trí hoa văn phong phú.

• Ở

Các dân tộc thiểu số thường sống theo từng buôn làng, chủ yếu trong những ngôi nhà truyền thống là nhà sàn. Đứng đầu mỗi buôn làng là già làng (chủ làng) hay trưởng buôn (chủ buôn), là người có uy tín và điều hành công việc sản xuất, tổ chức bảo vệ làng, cũng như những hoạt động của cộng đồng.



Hình 1.6. Nhà sàn của người Chăm ở huyện Đồng Xuân
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 1.7. Nhà sàn của người Ê-đê ở huyện Sông Hinh
(Ảnh: Phương Nam)

Em có biết?

Nhà ở truyền thống của người Chăm thường xây dựng dọc theo sườn núi, quay mặt về hướng nam. Trong nhà được phân thành nhiều gian, có gian tiếp khách, gian nằm ngủ cho những người chưa lập gia đình, gian dành riêng cho vợ chồng, gian bếp để nấu nướng và ăn uống.

Nhà ở truyền thống của người Ê-đê được phân thành hai nửa: nửa ngoài là gian dùng để tiếp khách, sinh hoạt gia đình; nửa trong được chia thành buồng ngủ và bếp.

Hiện nay, những ngôi nhà sàn truyền thống được làm từ các vật liệu như gỗ, tre, lá,... có xu hướng được thay thế bằng cấu trúc nhà sàn được xây dựng bằng xi măng, gạch, ngói,... khang trang, vững chãi hơn, đồng thời hạn chế sử dụng gỗ nhằm bảo vệ rừng. Xu hướng này tạo nên sự phong phú trong kiến trúc nhà ở của các dân tộc thiểu số ở Phú Yên.

2. Đời sống tinh thần



Trình bày những nét chính về đời sống tinh thần của các dân tộc thiểu số ở Phú Yên.

• Tín ngưỡng, tôn giáo

Tín ngưỡng đa thần tồn tại khá phổ biến trong cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Phú Yên. Các tôn giáo như Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành,... cũng được đồng bào các dân tộc thiểu số tiếp thu và trở thành nhân tố quan trọng trong đời sống tinh thần của một bộ phận cư dân.

Em có biết?

Người Chăm xem Mặt Trời là Yàng sinh ra mọi vật trên Trái Đất; việc sống – chết, giàu – nghèo đều do Yàng quyết định. Yàng nặn ra con người và mọi vật trong tự nhiên.

Người Ba-na xem cây đa, cây gạo là cây thiêng. Cây đa biểu tượng cho sự trường tồn và sức sống dẻo dai, mạnh mẽ. Cây gạo được coi là thần bản mệnh của con người hay linh hồn của người chết.

• Phong tục tập quán, lễ hội



Hình 1.8. Lễ mừng sức khỏe của dân tộc Chăm, thôn Hà Rai, xã Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)

Các dân tộc thiểu số ở Phú Yên thường tiến hành nhiều nghi lễ nông nghiệp theo vòng đời cây trồng để cầu mong mùa màng tươi tốt, các nghi lễ theo vòng đời người để cầu mong sức khỏe và tuổi thọ. Những nghi lễ theo vòng đời cây trồng có: lễ cầu mưa, lễ đâm trâu, cúng lúa mới, cúng thần đất, cúng bến nước, cúng thần sông, cúng thần rừng, cúng thần lửa, cúng thu hoạch lúa,... Các nghi lễ theo vòng đời người như: lễ cúng đặt tên, lễ cúng thổi tai, lễ cúng trưởng thành, lễ bỏ mả,...

Em có biết?

Lễ cúng trưởng thành của người Ê-đê ở Phú Yên được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia vào năm 2018.

• Văn học, nghệ thuật

Các loại hình dân ca, chuyện kể, diễn xướng dân gian, biểu diễn nhạc cụ,... của cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Phú Yên phong phú về thể loại, đa dạng về nội dung và hình thức như múa xoan, nghệ thuật tạc tượng mồ, diễn tấu cồng chiêng, trống, đàn, sáo,... Một số dân tộc như Ê-đê, Tây, Nùng,... đã sáng tạo ra chữ viết riêng của mình, góp phần quan trọng trong việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy những giá trị văn hoá của dân tộc.



Hình 1.9. Một tiết mục trong lễ hội Trống đôi, Cồng ba, Chiêng năm ở huyện Đồng Xuân
(Ảnh: Nguyễn Danh Hạnh)

Trải qua quá trình phát triển lâu dài, các dân tộc thiểu số ở Phú Yên đã hình thành nên một nền văn hoá đa dạng, phong phú. Những giá trị văn hoá này là sự thích ứng với điều kiện tự nhiên và môi trường sống. Mỗi quan hệ giữa các dân tộc là mối quan hệ gắn bó, gần gũi, đoàn kết, luôn được củng cố và phát huy, tạo ra quá trình đan xen văn hoá, góp phần tạo nên một nền văn hoá đa dạng trong thống nhất của cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Phú Yên.



LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. Kể tên các dân tộc thiểu số đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Phú Yên (tính đến ngày 1/4/2019).
2. Nêu những nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Phú Yên.
3. Theo em, sự khác biệt chính trong hoạt động sản xuất kinh tế của các dân tộc thiểu số và dân tộc Kinh ở Phú Yên là gì? Vì sao có sự khác nhau đó?
4. Tại sao nói cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Phú Yên có một nền văn hoá đa dạng trong thống nhất?

VẬN DỤNG

Xây dựng video clip (hoặc bài thuyết trình, sưu tầm hình ảnh, tư liệu,...) về đời sống vật chất, tinh thần của một dân tộc thiểu số ở Phú Yên.

PHỤ LỤC

Bảng 1.2. Bảng tra cứu tên gọi cộng đồng các dân tộc Việt Nam¹

STT	Dân tộc	Diễn giải
1	Ba-na	Tên tự gọi: Ba-na
		Tên gọi khác: Bơ Nâm, Roh, Kon Kõe, Ala Kông, Kpang Kông,...
		Nhóm địa phương: Rơ Ngao, Rơ Lơng (hay Y Lăng), Tơ Lô, Gơ Lar, Krem
2	Bố Y	Tên tự gọi: Bố Y
		Tên gọi khác: Chùng Chá, Trọng Gia,...
		Nhóm địa phương: Bố Y và Tu Dí
3	Brâu	Tên gọi khác: Brao
4	Bru – Vân Kiều	Tên tự gọi: Bru
		Tên gọi khác: Bru, Vân Kiều
		Nhóm địa phương: Vân Kiều, Trì, Khùa, Ma Coong

¹ Tổng hợp từ sách *Cộng đồng các dân tộc Việt Nam*, Ban chỉ đạo Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam (2010), NXB Giáo dục Việt Nam.

5	Chăm	Tên gọi khác: Chăm, Chiêm, Chiêm Thành, Chăm Pa, Hời,...
		Nhóm địa phương: Chăm Hroi, Chăm Pông, Chà Và Ku, Chăm Châu Đốc
6	Chu-ru	Tên gọi khác: Chơ Ru, Kru, Thượng
7	Chơ-ro	Tên gọi khác: Châu Ro, Dơ Ro, Chro, Thượng
8	Chứt	Tên tự gọi: Chút
		Tên gọi khác: Rục, Arem, Sách
		Nhóm địa phương: Mày, Rục, Sách, Arem, Mã Liềng
9	Co	Tên tự gọi: Cor, Col
		Tên gọi khác: Cua, Trầu
10	Cống	Tên tự gọi: Xám Khổng, Phuy A
11	Cơ-ho	Tên tự gọi: Cơ-ho
		Nhóm địa phương: Xrê, Nộp (Tu nộp), Cơ Dòn, Chil, Lát (Lách), Tơ Ring (T'ring)
12	Cơ Lao	Tên tự gọi: Cơ Lao
		Tên gọi khác: Tứ Đư, Ho Ki, Voa Đê
		Nhóm địa phương: Cơ Lao Xanh, Cơ Lao Trắng, Cơ Lao Đỏ
13	Cơ-tu	Tên tự gọi: Cơ-tu
		Tên gọi khác: Ca Tu, Ka Tu
14	Dao	Tên tự gọi: Kim Miền, Kim Mùn (người rừng)
		Tên gọi khác: Mán
		Nhóm địa phương: Dao Đỏ (Dao Cóc ngáng, Dao sùng, Dao Dụ lạy, Dao Đại bản), Dao Quần chẹt (Dao Sơn đầu, Dao Tam đảo, Dao Nga hoàng, Dụ Cùn), Dao Lô gang (Dao Thanh phán, Dao Cóc mún), Dao Tiền (Dao Đeo tiền, Dao Tiểu bản), Dao Quần trắng (Dao Họ), Dao Thanh Y, Dao Làn Tẻn (Dao Tuyển, Dao áo dài)
15	Ê-đê	Tên tự gọi: Anăk Ê-đê
		Tên gọi khác: Anăk Ea Đê, Ra Đê (hay Rha đê), Ê-đê – Êgar, Đê
		Nhóm địa phương: Kpă, Adham, Krung, Mđhur, Ktul, Dliê, Hruê, Bih, Blô, Kah, Kdrao, Dong Kay, Dong Mak, Ening, Arul, Hwing, Ktlê, Êpan,...
16	Giáy	Tên tự gọi: Giáy
		Tên gọi khác: Nhắng, Giăng

17	Gia-rai	Tên tự gọi: Gia-rai
		Tên gọi khác: Giơ Ray, Chơ Ray
		Nhóm địa phương: Chor, Hđrưng (gồm cả Hbaur, Chor), Aráp, Mthur, Tobuân
18	Gié – Triêng	Tên tự gọi: Mỗi nhóm có tên tự gọi riêng như: Gié, Triêng, Ve, Bnoong
		Tên gọi khác: Cà Tang, Giang Rầy
		Nhóm địa phương: Gié (Giẻ), Triêng (T'riêng), Ve, Bnoong (Mnoong)
19	Hà Nhi	Tên tự gọi: Hà Nhi Già
		Tên gọi khác: U Ní, Xá U Ní
		Nhóm địa phương: Hà Nhi Cồ Chồ, Hà Nhi La Mí, Hà Nhi Đen
20	Hoa	Tên gọi khác: Khách, Hán, Tàu
		Nhóm địa phương: Quảng Đông, Quảng Tây, Hải Nam, Triều Châu, Phúc Kiến, Sang Phang, Xía Phổng, Thảng Nhảm, Minh Hương, Hẹ,...
21	Hrê	Tên tự gọi: Hrê, trước kia thường gắn với tên sông sở tại như: "người Krế" – sông Krế ở Sơn Hà (tỉnh Quảng Ngãi); "người Hrê" – sông Hrê ở Ba Tơ (tỉnh Quảng Ngãi); "người nước Đinh" – sông Đinh ở An Lão (tỉnh Bình Định),...
		Tên gọi khác: Chăm Rê, Chom, Thượng Ba Tơ, Mọi Luỹ, Mọi Sơn Phòng, Mọi Đá Vách, Chăm Quảng Ngãi, Mọi Chòm, Rê, Man Thạch Bích
22	Kháng	Tên tự gọi: Mơ Kháng
		Tên gọi khác: Háng, Breen, Xá
		Nhóm địa phương: Kháng Dảng, Kháng Hoặc, Kháng Dón, Kháng Súa, Ma Háng, Bủ Háng, Ma Háng Bẻng, Bủ Háng Cọi
23	Khmer	Tên tự gọi: Khmer
		Tên gọi khác: Cur, Cul, Cu, Thỏ, Việt gốc Miên, Khmer K'rôm
24	Khơ-mú	Tên tự gọi: Kmụ, Kưm Mụ
		Tên gọi khác: Xá Cầu, Khạ Klẩu, Mãng Cầu, Tày Hạy, Mừn Xen, Pu Thềnh, Tềnh
25	La Chí	Tên tự gọi: Cù Tê
		Tên gọi khác: Thổ Đen, Mán, Xá

26	La Ha	Tên tự gọi: La Ha, Klá Phlao
		Tên gọi khác: Xá Cha, Xá Bung, Xá Khao, Xá Táu Nhạ, Xá Poọng, Xá Uống, Bủ Hả, Pụa
		Nhóm địa phương: La Ha cận (Khlá Phlao), La Ha nước (La Ha ừng)
27	La Hủ	Tên tự gọi: La Hủ
		Tên gọi khác: Xá Lá Vàng, Cò Xung, Khù Sung, Kha Quy, Cọ Sọ, Nê Thú
		Nhóm địa phương: La Hủ na (đen), La Hủ sư (vàng) và La Hủ phung (trắng)
28	Lào	Tên tự gọi: Thay, Thay Duồn, Thay Nhuồn
		Tên gọi khác: Phu Thay, Phu Lào
		Nhóm địa phương: Lào Bốc (Lào Cận) và Lào Nội (Lào Nhỏ)
29	Lô Lô	Tên tự gọi: Lô Lô
		Tên gọi khác: Mùn Di, Di, Mản Di, La La, Qua La, Ô Man, Lu Lộc Mản
		Nhóm địa phương: Lô Lô hoa, Lô Lô đen
30	Lự	Tên tự gọi: Lừ, Thay hoặc Thay Lừ
		Tên gọi khác: Phù Lừ, Nhuồn, Duồn
		Nhóm địa phương: ở Việt Nam chỉ có nhóm Lự Đen (Lừ Đăm) ở xã Bản Hòn, huyện Phong Thổ, Sơn Hà (Lai Châu), phân biệt nhóm Lự Trắng (Lừ Khao) ở Síp Song Păn Na (Trung Quốc)
31	Mạ	Tên tự gọi: Mạ
		Tên gọi khác: Châu Mạ, Chồ Mạ, Chê Mạ
		Nhóm địa phương: Mạ Ngăn, Mạ Xốp, Mạ Tổ, Mạ Krung
32	Mảng	Tên tự gọi: Mảng
		Tên gọi khác: Mảng Ừ, Xá Mảng, Niểng O, Xá Bá O
		Nhóm địa phương: Mảng Gừng, Mảng Lệ
33	Mông	Tên tự gọi: Mông, Na Miềo
		Tên gọi khác: Mẹo, Mèo, Miếu Hạ, Mán Trắng
		Nhóm địa phương: Mông Trắng, Mông Hoa, Mông Đỏ, Mông Đen, Mông Xanh, Na Miềo

34	Mnông	Tên tự gọi: Mnông
		Nhóm địa phương: Mnông Gar, Mnông Nông, Mnông Chil, Mnông Kuênh, Mnông Rlâm, Mnông Preh, Mnông Prâng, Mnông Đíp, Mnông Bhiết, Mnông Sítô, Mnông Bu Đâng, Mnông Bu Nor, Mnông Bu Đêh,...
35	Mường	Tên tự gọi: Mol (hoặc Mon, Moan, Mual)
		Nhóm địa phương: Ao Tá (Ấu Tá), Mọi Bì
36	Ngái	Tên tự gọi: Sán Ngái
		Tên gọi khác: Ngái Hắc Cá, Ngái Lầu Mần, Hẹ, Sín, Đản, Lê, Xuyên
37	Nùng	Tên tự gọi: Nồng
		Nhóm địa phương: Nùng Giang, Nùng Xuông, Nùng An, Nùng Inh, Nùng Lôi, Nùng Cháo, Nùng Phán Slinh, Nùng Quy Rịn, Nùng Dín,...
38	Ơ Đu	Tên tự gọi: Ơ Đu hoặc I Đu
		Tên gọi khác: Tày Hát
39	Pà Thẻn	Tên tự gọi: Pà Hưng
		Tên gọi khác: Mèo Lài, Mèo Hoa, Mèo Đỏ, Bát tiên tộc,...
40	Phù Lá	Tên tự gọi: Lao Va Xơ, Bỏ Khô Pạ, Phù Lá
		Tên gọi khác: Xá Phó, Cản Thín
		Nhóm địa phương: Phù Lá Lão-Bỏ Khô Pạ, Phù Lá Đen, Phù Lá Hản
41	Pu Péo	Tên tự gọi: Kabeo
		Tên gọi khác: La Quả, Penti Lô Lô
42	Ra-glai	Nhóm địa phương: Rai (ở Hàm Tân – Bình Thuận), Hoang, La Oang (Đức Trọng – Lâm Đồng),...
43	Rơ Măm	Tên tự gọi: Rơ Măm
44	Sán Chay	Tên tự gọi: Sán Chay
		Tên gọi khác: Hờn Bán, Chùng, Trại,...
		Nhóm địa phương: Cao Lan và Sán Chỉ
45	Sán Diu	Tên tự gọi: San Dẻo Nhín (Sơn Dao Nhân)
		Tên gọi khác: Trại, Trại Đất, Mán Quần cộc, Mán Váy xẻ,...

46	Si La	Tên tự gọi: Cù Dề Sừ
		Tên gọi khác: Kha Pê
47	Tày	Tên gọi khác: Thố
		Nhóm địa phương: Thố, Ngạn, Phén, Thu Lao và Pa Dí
48	Tà-ôi	Tên gọi khác: Tỏi Ôi, Pa-cô, Tà Uốt, Kan Tua, Pa Hi,...
		Nhóm địa phương: Tà-ôi, Pa-cô, Pa Hi
49	Thái	Tên tự gọi: Tay hoặc Thay
		Tên gọi khác: Tay Thanh, Man Thanh, Tay Mười, Tay Mường, Hàng Tổng, Tay Dọ, Thố
		Nhóm địa phương: • Ngành Đen (Tay Đăm) • Ngành Trắng (Tay Đón hoặc Khao)
50	Thổ	Tên tự gọi: Thố
		Tên gọi khác: Người Nhà làng, Mường, Con Kha, Xá Lá Vàng
		Nhóm địa phương: Kẹo, Mọn, Cuối, Họ, Đan Lai, Li Hà, Tây Pọng
51	Việt	Tên gọi khác: Kinh
52	Xinh-mun	Tên tự gọi: Xinh-mun
		Tên gọi khác: Puộc, Xá, Pnạ
		Nhóm địa phương: Xinh-mun Dạ, Xinh-mun Nghệt
53	Xơ-đăng	Tên tự gọi: Tuỳ từng nhóm Xơ Teng (Hđang, Xđang, Xđeng), Tơ Đrá (Xđrá, Hđrá), Mnâm, Ca Dong, Ha Lăng (Xiang), Tà Trĩ (Tà Trẽ), Châu
		Tên gọi khác: Xê Đăng (Sê Đăng), Kmrâng, Con Lan, Brila
		Nhóm địa phương: Xơ Teng, Tơ Đrá, Mnâm, Ca Dong, Ha Lăng, Tà Trĩ, Châu
54	Xtiêng	Tên gọi khác: Xa Điang hay Xa Chiêng
		Nhóm địa phương: Bù Lơ, Bù Đek (Bù Đên), Bù Biék

Biến đổi khí hậu ở Phú Yên



MỤC TIÊU

- Khái quát được các biểu hiện của biến đổi khí hậu ở Phú Yên và xu thế biến đổi của một số yếu tố khí hậu, thủy văn ở Phú Yên trong thời gian tới.
- Nêu được tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động kinh tế và đời sống người dân ở Phú Yên.
- Trình bày được những biện pháp giảm thiểu biến đổi khí hậu; có ý thức tham gia các hoạt động phòng chống biến đổi khí hậu.



KHỞI ĐỘNG

Các nhà khoa học đã tính toán khi nhiệt độ trung bình của Trái Đất tăng thêm 2°C thì mực nước biển sẽ dâng lên 0,03 m. Nếu nhiệt độ tăng lên 5°C thì nước biển sẽ dâng lên 0,1 m.

Nhận định nêu trên của các nhà khoa học đang đề cập đến vấn đề gì? Trình bày hiểu biết của em về vấn đề đó.



KHÁM PHÁ

Trong những năm gần đây, đề cập đến biến đổi khí hậu là nói đến sự thay đổi của khí hậu, được gọi chung bằng hiện tượng nóng lên toàn cầu. Trong vòng 200 năm trở lại đây, đặc biệt là vài chục năm qua, quá trình công nghiệp hoá đã làm gia tăng lượng khí thải nhà kính vào bầu khí quyển. Hệ quả là khí hậu bị biến đổi, nhiệt độ bề mặt Trái Đất tăng lên, nước biển dâng, kéo theo các hiện tượng thời tiết cực đoan.

I. BIỂU HIỆN CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở PHÚ YÊN



Ở Phú Yên có diễn ra hiện tượng biến đổi khí hậu không? Hãy chứng minh điều đó.

Theo số liệu quan trắc từ năm 1977 đến nay, cho thấy các yếu tố khí hậu ở Phú Yên biến đổi như sau:

• Sự biến đổi của nhiệt độ

Ở Phú Yên, biến đổi khí hậu thể hiện rõ nét nhất ở sự tăng lên của nhiệt độ trung bình năm. Theo số liệu quan trắc từ năm 1977 đến nay, nhiệt độ trung bình ở Phú Yên có xu hướng tăng liên tục qua các thập kỉ. Trung bình, trong một thập kỉ, nhiệt độ trung bình ở Phú Yên tăng $0,3^{\circ}\text{C}$. Trong đó, từ năm 1977 – 1998 tăng $0,4^{\circ}\text{C}$; từ năm 1998 – 2011 tăng $0,1^{\circ}\text{C}$.

Bảng 2.1. Nhiệt độ trung bình ở thành phố Tuy Hoà từ năm 1977 – 2011

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng Thời kì	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Năm
1977 – 1987	22,7	23,5	25,3	27,1	28,7	28,9	28,9	28,7	27,4	26,4	25,1	23,4	26,3
1988 – 1998	23,6	24,1	25,4	27,4	29,1	29,5	28,9	28,8	27,9	26,3	25,4	24,0	26,7
1999 – 2011	23,5	24,1	25,6	27,7	28,8	29,6	29,2	28,9	28,3	26,7	25,5	24,1	26,8

(Nguồn: Trạm Khí tượng – Thủy văn thành phố Tuy Hoà)

Nhiệt độ tăng dẫn đến lượng bốc hơi tăng, tần suất nóng và khô hạn tăng. Theo tính toán, với sự gia tăng nhiệt độ như hiện nay, trong tương lai, nhiệt độ trung bình năm của Phú Yên cứ 10 năm sẽ tăng $0,1^{\circ}\text{C}$. Như vậy, tỉnh Phú Yên ngày càng chịu nhiều ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu, đặc biệt là khu vực ven biển.

• Sự biến đổi của lượng mưa

Mưa là yếu tố biến đổi mạnh mẽ nhất trong tất cả các yếu tố khí hậu. Theo số liệu mưa của các trạm đo mưa tại Phú Yên thì lượng mưa năm lớn nhất gấp 3 – 6 lần lượng mưa năm nhỏ nhất; đặc biệt tại thị xã Sông Cầu, lượng mưa năm lớn nhất gấp 14 lần lượng mưa năm nhỏ nhất. Riêng tại thành phố Tuy Hoà, theo thống kê số liệu từ năm 1977 đến năm 2011, chênh lệch giữa năm mưa nhiều nhất và năm mưa ít nhất là 232,5 mm (gấp 3,3 lần).

Bảng 2.2. Độ chênh lệch lượng mưa năm ở tỉnh Phú Yên

Tên trạm	Tuy Hoá	Sơn Hoá	Hà Bằng	Củng Sơn	Phú Lâm	Sông Cầu	Hoà Đồng	Phú Lạc	Sơn Thành	Cù Mông
Năm mưa nhiều nhất (mm)	3359,2	2965,2	2662,9	2901,7	3301,1	3087,0	3804,5	3272,2	3389,7	3488,5
Năm mưa ít nhất (mm)	1030,7	991,1	881,2	956,6	972,5	228,4	643,7	880,1	610,6	654,1
Chênh lệch (mm)	2328,5	1974,1	1781,7	1945,1	2328,6	2858,6	3160,8	2392,1	2779,1	2834,4
Chênh lệch (mm)	3,3	3,0	3,0	3,0	3,4	13,5	5,9	3,7	5,6	5,3

(Nguồn: Đài Khí tượng – Thủy văn tỉnh Phú Yên)

Từ năm 1997 đến nay, lượng mưa có xu hướng tăng liên tục. Tuy nhiên, lượng mưa tăng nhiều trong mùa mưa và giảm trong mùa khô. Điều này càng làm tăng thêm tính cực đoan của khí hậu.

• Sự biến đổi của bão

Những năm gần đây, bão xuất hiện nhiều hơn ở nước ta và có cường độ mạnh hơn, Phú Yên cũng chịu ảnh hưởng của bão nhiều hơn. Từ năm 1976 – 2011, đã có 15 cơn bão đổ bộ vào gây thiệt hại rất lớn đến người và tài sản của dân Phú Yên. Bão đổ bộ gây mưa, lũ lớn; điển hình như trận lũ lịch sử năm 2009, mực nước ở sông Kỳ Lộ lên 13,47 m, ở sông Ba tại Củng Sơn lên 39,90 m, ở sông Đà Rằng tại Phú Lâm lên 5,21 m. Trước đó, bão đổ bộ vào các năm 1978, 1993, 2001 cũng gây mưa to đến rất to trên toàn tỉnh Phú Yên. Tháng 11/2017, cơn bão số 12 (bão Damrey) với sức gió cấp 12 giật cấp 15, đã ảnh hưởng mạnh đến Phú Yên, gây thiệt hại lớn về người và của.

Quỹ đạo của bão có dấu hiệu dịch chuyển dần về phía nam và mùa bão kết thúc muộn hơn, nhiều cơn bão có đường đi dị thường hơn. Ví dụ: bão số 9 năm 2021 xuất hiện muộn (tháng 12/2021) và từ phía nam đi lên, gây ảnh hưởng đến Phú Yên với sức gió mạnh cấp 8. Theo thống kê từ năm 1951 – 2021, đây là cơn bão có hướng đi dị thường chưa từng có.



Hình 2.1. Đường đi dự thường của bão số 9 (bão Rai – tháng 12/2021)
(Nguồn: Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Quốc gia)

II. KỊCH BẢN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở PHÚ YÊN



Dựa vào những thông tin sau, hãy nêu kịch bản biến đổi khí hậu ở Phú Yên trong vài thập kỉ tới. Những biến đổi đó gây ra các hiện tượng thời tiết gì?

• Nhiệt độ

Dự báo trong hai thập kỉ tới, nhiệt độ trung bình năm trên tất cả các vùng thuộc lãnh thổ nước ta đều có xu hướng tăng. Mức độ tăng nhiệt giữa các vùng khác nhau không nhiều, dao động từ 0,1 – 0,5°C, cao hơn thập kỉ 90 của thế kỉ XX là thập kỉ có tốc độ tăng nhiệt mạnh nhất của thế kỉ trước. Nhiệt độ mùa đông tăng nhanh hơn so với nhiệt độ mùa hè. Các vùng khí hậu phía bắc có mức tăng nhiệt cao hơn các vùng khí hậu phía nam, trong đó Nam Trung Bộ là vùng có mức độ tăng nhiệt thấp nhất.

Tần suất xuất hiện giá trị cực đoan của nhiệt độ tối cao có xu hướng tăng và tần suất xuất hiện giá trị cực đoan của nhiệt độ tối thấp có xu hướng giảm, kéo theo là lượng bốc hơi tăng, tần suất nắng nóng và khô hạn cũng gia tăng.

Bảng 2.3. Mức tăng nhiệt độ (°C) trung bình năm so với thời kì 1980 – 1999 ở Phú Yên theo kịch bản phát thải trung bình (B2)¹

Các mốc thời gian của thế kỉ XXI							
2030	2040	2050	2060	2070	2080	2090	2100
0,7	1,0	1,3	1,6	1,9	2,1	2,4	2,5

(Nguồn: Phân viện Khí tượng thủy văn và Môi trường phía Nam)

• Lượng mưa

Dự báo lượng mưa năm có xu hướng tăng lên hoặc giảm đi theo chu kì nhiều năm, nhưng chỉ thay đổi đáng kể vào mùa mưa, còn mùa khô lượng mưa có xu hướng giảm. Trong giai đoạn 2021 – 2030, lượng mưa năm có xu hướng tăng dần nhưng vẫn dao động quanh giá trị trung bình chuẩn (1 980 mm).

Tổng lượng mưa năm và lượng mưa mùa mưa có xu hướng tăng, lượng mưa mùa khô có xu hướng giảm, đặc biệt là ở các vùng khí hậu phía nam. Lượng mưa năm vào cuối thế kỉ XXI tăng khoảng 5% so với giai đoạn 1980 – 1999. Ở các vùng khí hậu phía bắc, lượng mưa năm tăng nhiều hơn so với các vùng khí hậu phía nam.

Số ngày mưa có xu hướng giảm, do đó cường độ mưa có xu hướng tăng.

Bảng 2.4. Mức thay đổi (%) lượng mưa năm so với thời kì 1980 – 1999 ở Phú Yên theo kịch bản phát thải trung bình (B2)

Các mốc thời gian của thế kỷ XXI							
2030	2040	2050	2060	2070	2080	2090	2100
2,0	2,8	3,6	4,4	5,2	5,9	6,4	6,9

(Nguồn: Phân viện Khí tượng thủy văn và Môi trường phía Nam)

• Nước biển dâng

Theo số liệu quan trắc tại các trạm hải văn dọc ven biển Việt Nam cho thấy tốc độ dâng của mực nước biển trung bình ở Việt Nam hiện nay là khoảng 3 mm/năm.

Theo nghiên cứu của Phân viện Khí tượng thủy văn và Môi trường phía Nam, có các kịch bản nước biển dâng cho tỉnh Phú Yên như sau:

¹ Kịch bản phát thải thấp nhất: nước biển dâng 30 cm (B1); kịch bản phát thải trung bình: nước biển dâng 75 cm (B2); kịch bản phát thải cao nhất: nước biển dâng 100 cm (A1)

Bảng 2.5. Các kịch bản nước biển dâng cho tỉnh Phú Yên

Mức nước biển dâng (cm)	Diện tích bị ngập nước (km ²)				
	TP. Tuy Hoà	TX. Sông Cầu	TX. Đông Hoà	H. Tuy An	Tổng diện tích
30	3,5	6,1	7,7	17,1	34,4 (0,7% diện tích tỉnh)
75	4,0	7,0	10,6	18,2	39,8 (0,8% diện tích tỉnh)
100	4,3 (1,4% diện tích thành phố)	7,6 (1,6% diện tích thị xã)	13,3 (1,5% diện tích thị xã)	19,1 (4,4% diện tích huyện)	44,3 (0,9% diện tích tỉnh)

(Nguồn: Phân viện Khí tượng thủy văn và Môi trường phía Nam)

Vùng bị ngập nước là những vùng có địa hình thấp và bằng phẳng. Với tỉ lệ ngập nước như trên không chỉ ảnh hưởng đến cơ cấu sử dụng đất mà còn ảnh hưởng đến dân sinh cũng như cơ sở hạ tầng của địa phương.

• Bão và áp thấp nhiệt đới

Tình hình bão và áp thấp nhiệt đới xuất hiện ngày càng dị thường hơn, không theo quy luật, có xu hướng chuyển dịch dần xuống phía nam, có cường độ ngày càng mạnh hơn, thường bất ngờ đổi hướng.

• Hiện tượng thời tiết cực đoan: lũ quét, đông lạnh,...

III. TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở PHÚ YÊN



Nêu những tác động của biến đổi khí hậu ở Phú Yên đối với hoạt động kinh tế và đời sống con người.

Biến đổi khí hậu đã tác động lớn đến các hoạt động kinh tế và đời sống của người dân Phú Yên. Có thể kể đến như:

- Tỉnh Phú Yên có diện tích 506 000 ha, trong đó diện tích hoang mạc hoá trung bình mỗi năm ở miền núi là 300 ha và vùng biển khoảng 8 – 10 ha. Biến đổi khí hậu là một trong những nguyên nhân gây ra hiện tượng hoang mạc hoá này.

- Mưa lụt lớn và xảy ra thường xuyên hơn, thời gian xuất hiện đỉnh lũ rất nhanh, xuất hiện lũ quét nhiều hơn. Các trận lũ lớn điển hình ở Phú Yên vào các năm 1993, 1999, 2009, 2021 gây thiệt hại lớn đến tính mạng, nhà cửa và hoạt động

sản xuất của người dân. Trận lũ lớn lịch sử năm 2009 đã xảy ra rất nhanh, quét qua xóm Trường (thôn Triêm Đức, xã Xuân Quang 2, huyện Đồng Xuân), cuốn trôi hoàn toàn hơn 40 ngôi nhà và cướp đi sinh mạng của 18 người dân, làm hư hại toàn bộ hoa màu, ruộng vườn.



Hình 2.2. Xóm Trường sau trận lũ quét năm 2009
(Ảnh: Nguyễn Đình Quân)



Hình 2.3. Lũ lụt ở huyện Đồng Xuân năm 2021
(Ảnh: Huỳnh Văn Quyền)

- Lũ úng cục bộ xảy ra ở nhiều vùng hơn, nhiều hiện tượng lũ chưa từng có trước đó, dẫn đến thiệt hại lớn.

- Hiện tượng núi lở, sạt lở ở các bờ sông diễn ra phức tạp hơn, nhiều điểm hơn. Lòng sông bị bồi lấp, dẫn đến khô kiệt dòng chảy về mùa khô.



Hình 2.4. Sạt lở ở huyện Đồng Xuân do mưa lớn năm 2021
(Ảnh: Huỳnh Văn Quyền)

- Hiện tượng triều cường, sóng lớn làm xói lở vùng cửa sông, bờ biển diễn ra ngày càng mạnh. Điển hình là khu vực gần cửa sông Đà Rằng (Xóm Rớ, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hoà) đã xảy ra tình trạng xói lở bờ biển ngày càng nặng từ năm 2013.



Hình 2.5. Sạt lở kè Xóm Rờ, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hoà
(Ảnh: Văn Tài)

- Mùa khô kéo dài hơn, nhiệt độ tăng cao hơn (nhiệt độ cao nhất lên đến trên 40°C vào các tháng 4, 5, có nơi lên đến trên 42°C) gây ra hạn hán nặng. Mùa mưa rút ngắn và ngày càng khắc nghiệt hơn. Mưa nắng thất thường (cuối tháng 4 và đầu tháng 5/2022, mưa xuất hiện liên tục với lượng mưa tương đối lớn).

- Lốc xoáy, bão xảy ra ác liệt hơn. Cơn lốc xoáy xảy ra vào tháng 11/2018 kéo dài khoảng 2 phút đã tàn phá khu vực Gành Đá Đĩa, huyện Tuy An làm thiệt hại lớn về tài sản và khiến nhiều người dân bị thương.



Hình 2.6. Lốc xoáy tàn phá khu vực Gành Đá Đĩa, huyện Tuy An
(Nguồn: phuyen.gov.vn)



LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. Em hãy nêu những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở Phú Yên. Những sự biến đổi đó gây ảnh hưởng như thế nào đến sức khỏe con người và các hoạt động kinh tế ở địa phương?
2. Lập kế hoạch hành động của bản thân để hạn chế biến đổi khí hậu (kế hoạch cho một năm học).

VẬN DỤNG

1. Hãy khảo sát về một địa bàn/ địa điểm bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu ở địa phương. Trình bày giải pháp của bản thân để thích ứng với biến đổi khí hậu.

Gợi ý:

- Giáo viên lựa chọn một địa điểm khảo sát phù hợp với địa bàn học tập.
- Hướng dẫn học sinh chuẩn bị các nội dung cần khảo sát/ phỏng vấn khi đi thực tế.
- Viết bài thu hoạch và trình bày báo cáo sau khi tham quan (làm theo nhóm).

2. Thuyết trình về những tác hại của biến đổi khí hậu đến một số ngành kinh tế của tỉnh Phú Yên và vận động mọi người kí cam kết tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường tại địa phương.

Các ngành nông – lâm – thủy sản, công nghiệp ở Phú Yên



MỤC TIÊU

- Trình bày được vai trò của nông – lâm – thủy sản, công nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế ở Phú Yên.
- Phân tích được các thế mạnh, hạn chế trong sản xuất nông – lâm – thủy sản, công nghiệp ở Phú Yên.
- Trình bày được sự phát triển, phân bố và chuyển dịch cơ cấu nông – lâm – thủy sản, công nghiệp ở Phú Yên.
- Đề xuất được một số giải pháp phát triển hợp lý nông – lâm – thủy sản, công nghiệp ở Phú Yên.



KHỞI ĐỘNG



Theo em, tỉnh Phú Yên có thế mạnh gì về vị trí địa lý đối với phát triển kinh tế của tỉnh?

Năm 2020, tỉnh Phú Yên có dân số khoảng 874,3 nghìn người; diện tích tự nhiên 5 060,6 km², xếp thứ 29 và chiếm 1,5% diện tích cả nước; có đồi núi, đồng bằng, biển; phía bắc giáp tỉnh Bình Định, phía nam giáp tỉnh Khánh Hoà, phía tây giáp 2 tỉnh Đắk Lắk và Gia Lai, phía đông giáp Biển Đông; có nhiều thế mạnh để phát triển nông – lâm – thủy sản, công nghiệp với các sản phẩm chủ lực như: lúa, mía, sắn, tôm sú, tôm hùm, cá ngừ,... Với những lợi thế và tiềm năng sẵn có, tỉnh Phú Yên đang hướng đến mục tiêu là tỉnh khá của cả nước.



KHÁM PHÁ

I. CÁC NGÀNH NÔNG – LÂM – THỦY SẢN

1. Vai trò



Nêu vai trò của sản xuất nông – lâm – thủy sản đối với kinh tế và đời sống của người dân Phú Yên. Lấy ví dụ cụ thể.

- Cung cấp lương thực, thực phẩm cho nhu cầu của người dân.
- Cung cấp nguyên liệu cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.
- Sản xuất ra các mặt hàng có giá trị xuất khẩu.
- Tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân.
- Khai thác hiệu quả các nguồn lực về tự nhiên, kinh tế – xã hội.

2. Một số ngành sản xuất chủ yếu

a. Trồng trọt



Dựa vào thông tin sau, hãy phân tích các thế mạnh và hạn chế để phát triển ngành trồng trọt ở Phú Yên.

Tỉnh Phú Yên có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình khoảng 27°C, lượng mưa bình quân từ 1 600 – 2 000 mm/năm, số giờ nắng nhiều. Khí hậu phân hoá thành hai mùa rõ rệt; mùa khô kéo dài từ tháng 1 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12.

Hệ thống sông suối phân bố tương đối đều trên toàn tỉnh, lượng nước dồi dào, nhiều công trình thuỷ lợi cấp nước cho nông nghiệp đã được đầu tư xây dựng, nổi bật có công trình thuỷ lợi đập Đồng Cam được xây dựng trên sông Ba, hệ thống thuỷ nông Tam Giang trên sông Kỳ Lộ,...

Do nằm ven biển, hằng năm tỉnh Phú Yên thường chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão và áp thấp nhiệt đới, lượng mưa trong bão rất lớn và xảy ra trên diện rộng nên thường gây ra lũ lớn. Mùa bão thường từ tháng 9 đến tháng 12, xuất hiện nhiều nhất vào tháng 10 và tháng 11.

Phú Yên có hai đồng bằng lớn là đồng bằng Tuy Hoà, đồng bằng Tuy An và một số đồng bằng nhỏ khác. Các đồng bằng có địa hình tương đối bằng phẳng, tổng diện tích khoảng 816 km², trong đó đồng bằng Tuy Hoà có diện tích 500 km². Đồng bằng Tuy Hoà có đất đai màu mỡ do sông Ba chảy qua vùng đồi bazan ở thượng lưu mang về hạ lưu nhiều phù sa hạt mịn, giàu kali, magiê. Đất phù hợp trồng lúa nước, mía và nhiều loại cây hoa màu.

Vùng đồi núi thấp cũng được sử dụng vào mục đích nông nghiệp nhờ có lớp phù bazan phi nhiêu, tuy không dày lắm nhưng thích hợp trồng cây ăn quả và một số cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao.

Nhờ cơ cấu giống và mật độ gieo sạ phù hợp nên năng suất lúa trên địa bàn tỉnh nằm trong nhóm các tỉnh có năng suất lúa cao của cả nước.



Hình 3.1. Đồng lúa ở huyện Tây Hoà
(Ảnh: Nguyễn Danh Hạnh)



Dựa vào Bảng 3.1, hãy nhận xét tình hình sản xuất lúa ở Phú Yên giai đoạn 2008 – 2020.

Bảng 3.1. Diện tích và sản lượng lúa cả năm ở Phú Yên giai đoạn 2008 – 2020

Năm	2008	2010	2015	2020
Diện tích (nghìn ha)	56,8	56,6	57,2	54,8
Sản lượng (nghìn tấn)	294,5	346,9	378,1	390,3

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Phú Yên)



Dựa vào Hình 3.2, hãy nhận xét về diện tích lúa cả năm phân theo huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh Phú Yên năm 2020.



Hình 3.2. Diện tích lúa cả năm phân theo huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh Phú Yên năm 2020
(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Phú Yên)

Bên cạnh cây lúa, trên địa bàn tỉnh cũng đã hình thành một số vùng sản xuất nguyên liệu tập trung quy mô lớn, gắn với công nghiệp chế biến như cây mía, sắn,...; phân bố chủ yếu ở các huyện Sông Hinh, Sơn Hoà, Đồng Xuân, Tuy An.



Hình 3.3. Mía và sắn trồng ở huyện Sông Hinh
(Ảnh: Phương Nam)

Ngoài việc chú trọng phát triển cây hàng năm, tỉnh Phú Yên cũng chú trọng phát triển cây công nghiệp lâu năm.

Nhiều mô hình trồng cây ăn quả như: bơ, sầu riêng hạt lép, măng cầu Hoàng hậu, mít Thái, cam, quýt đường,... có chất lượng, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho bà con ở các huyện miền núi Sông Hinh và Sơn Hoà.



Dựa vào Bảng 3.2, hãy nhận xét sự thay đổi diện tích cây công nghiệp lâu năm ở Phú Yên giai đoạn 2015 – 2020.

Bảng 3.2. Diện tích cây công nghiệp lâu năm ở Phú Yên giai đoạn 2015 – 2020

(Đơn vị: ha)

Năm	2015	2016	2018	2020
Hồ tiêu	689	853	560	495
Cao su	4 488	4 731	4 063	4 193
Cà phê	1 296	823	342	137

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Phú Yên)

b. Chăn nuôi



Dựa vào thông tin sau, hãy phân tích các thế mạnh và hạn chế để phát triển ngành chăn nuôi ở Phú Yên.

Phần lớn diện tích tỉnh Phú Yên là đồi núi thấp, địa hình tương đối bằng phẳng, có nhiều đồng cỏ tự nhiên ở huyện Sơn Hoà, huyện Sông Hinh,... thuận lợi để chăn nuôi gia súc lớn.

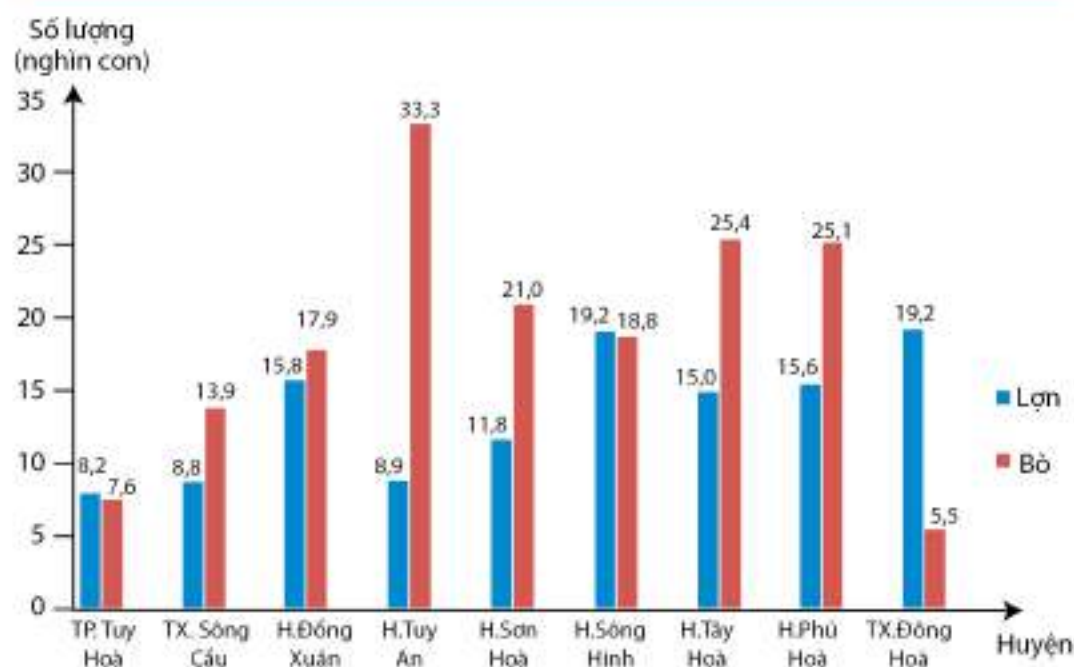
Nhờ vấn đề an ninh lương thực cho người dân được đảm bảo nên hoa màu dành cho chăn nuôi ngày càng nhiều; thức ăn công nghiệp được đảm bảo nên chăn nuôi trang trại quy mô lớn dần được hình thành và phát triển mạnh.

Tuy nhiên, do thời tiết nắng nóng kéo dài, dịch bệnh thường xuyên xảy ra,... gây khó khăn cho phát triển chăn nuôi.

Năm 2020, tổng sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm xuất chuồng đạt 47 242 tấn, gấp 1,4 lần so với năm 2014. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi năm 2020 đạt 2 940 tỉ đồng, tăng 1,3 lần so với năm 2014.



Quan sát Hình 3.4, hãy nhận xét sự phân bố bò, lợn (heo) ở Phú Yên năm 2020.



Hình 3.4. Số lượng bò, lợn phân bố theo huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh Phú Yên năm 2020
(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Phú Yên)



Hình 3.5. Một trang trại nuôi lợn ở huyện Phú Hoà
(Nguồn: ipcphuyen.gov.vn)

c. Lâm nghiệp



- Hãy tìm các ví dụ để làm sáng tỏ ý nghĩa kinh tế và sinh thái của rừng ở Phú Yên.
- Dựa vào Bảng 3.3, hãy nhận xét sự thay đổi về diện tích và độ che phủ rừng ở Phú Yên giai đoạn 2008 – 2020.

Tỉnh Phú Yên có hơn $\frac{3}{4}$ diện tích là đồi núi, có rừng ngập mặn và rừng phòng hộ ven biển. Do vậy, lâm nghiệp có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Sản lượng gỗ khai thác hằng năm của tỉnh Phú Yên chủ yếu từ rừng trồng, tỉ trọng giá trị sản lượng gỗ hằng năm có xu hướng tăng, năm 2020 đạt 134,7 nghìn tỉ đồng.

Tình trạng phá rừng lâm rẫy và cháy rừng còn xảy ra, nguồn lợi mang lại từ rừng còn thấp.

Rừng Phú Yên phát triển theo hướng khai thác đi đôi với bảo vệ, chăm sóc, khoanh nuôi rừng và trồng rừng mới, tăng cường bảo vệ rừng, khai thác có hiệu quả các diện tích rừng trồng.

Bảng 3.3. Diện tích và độ che phủ rừng ở Phú Yên giai đoạn 2008 – 2020

Năm	2008	2015	2018	2020
Diện tích rừng tự nhiên (nghìn ha)	126,2	116,8	128,0	128,0
Diện tích rừng trồng (nghìn ha)	37,7	77,8	103,5	115,9
Tổng diện tích rừng (nghìn ha)	163,9	194,6	231,5	243,9
Độ che phủ (%)	31,8	36,4	43,4	45,1

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Phú Yên)

d. Thủy sản



Dựa vào thông tin sau, hãy phân tích các thế mạnh và hạn chế để phát triển ngành nuôi trồng và khai thác thủy sản ở Phú Yên.

Tỉnh Phú Yên có diện tích mặt nước biển trên 6 900 km² với trữ lượng hải sản lớn, thành phần đa dạng: khoảng trên 500 loài cá, 38 loài tôm, 15 loài mực và nhiều loài hải sản quý.

Bờ biển kéo dài 189 km từ đèo Cù Mông đến Vũng Rô, có nhiều nơi núi ăn thông ra biển tạo thành nhiều đầm, vịnh, vũng như đầm Cù Mông, vịnh Xuân Đài, Vũng Lắm, đầm Ô Loan, Vũng Rô,... Tổng diện tích mặt nước đầm, vịnh, vũng khoảng 21 000 ha. Đây là những khu vực thuận lợi nuôi trồng thủy sản, cho năng suất và chất lượng cao.

Năm 2020, toàn tỉnh có 1 090 tàu khai thác thủy sản có công suất từ 90 CV trở lên, trong đó 437 tàu có công suất từ 400 CV trở lên, đủ sức vươn khơi khai thác kết hợp bảo vệ chủ quyền vùng biển đảo của Tổ quốc.

Hệ thống cảng cá, bến cá, khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu thuyền được xây mới và đầu tư nâng cấp, đáp ứng yêu cầu của ngư dân.

Vùng biển Phú Yên chịu nhiều ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới. Mùa bão thường từ tháng 9 đến tháng 12 hằng năm, xuất hiện nhiều nhất vào tháng 10 và tháng 11, gây khó khăn cho hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy sản.



Hình 3.6. Nuôi thủy sản ở vịnh Xuân Đài (thị xã Sông Cầu)
(Ảnh: Dương Thanh Xuân)

Về khai thác, số tàu thuyền được cơ cấu lại theo hướng tăng và hiện đại hoá tàu khai thác xa bờ, gắn với chuyển đổi nghề khai thác từ đơn nghề sang kiêm nghề. Sản lượng thủy sản khai thác xa bờ có xu hướng tăng.

Nuôi trồng thủy sản có sự chuyển dịch tích cực về cơ cấu thủy sản nuôi, phương thức nuôi theo hướng thâm canh, giám sát dịch bệnh định kì. Diện tích nuôi tôm vùng ven biển của tỉnh tập trung chủ yếu ở thị xã Sông Cầu, có diện tích gần 278 ha; tiếp đến là thị xã Đông Hoà 166 ha, huyện Tuy An 86 ha và thành phố Tuy Hoà 18 ha. Khu vực nuôi tập trung ở đầm Cù Mông, đầm Ô Loan, một số cửa sông, hồ nhân tạo trên cát ven biển. Nhiều thủy sản nuôi mang lại hiệu quả như tôm hùm, tôm thẻ chân trắng, tôm sú, tu hài, cá bớp, cá mú, rong sụn, sò huyết,...

Giá trị sản xuất lĩnh vực thủy sản có xu hướng tăng, kim ngạch xuất khẩu thủy sản tăng mạnh, năm 2020 đạt 79 triệu USD.



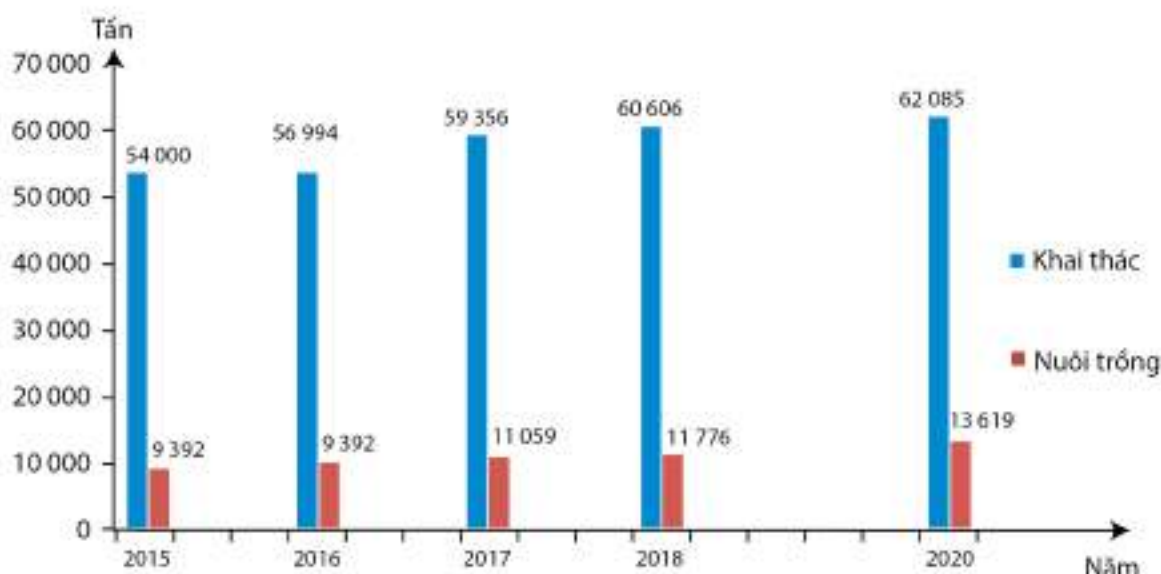
Dựa vào Bảng 3.4 và Hình 3.7, hãy nhận xét tình hình khai thác và nuôi trồng thủy sản ở Phú Yên giai đoạn 2015 – 2020.

Bảng 3.4. Sản lượng thủy sản ở huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh Phú Yên năm 2015 và năm 2020

(Đơn vị: tấn)

Năm	2015	2020
Thành phố Tuy Hoà	8 823	8 876
Thị xã Sông Cầu	27 726	32 162
Huyện Đồng Xuân	43	45
Huyện Tuy An	14 047	18 640
Huyện Sơn Hoà	152	160
Huyện Sông Hinh	207	213
Huyện Tây Hoà	53	165
Huyện Phú Hoà	142	72
Thị xã Đông Hoà	12 199	15 371

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Phú Yên)



Hình 3.7. Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng ở Phú Yên giai đoạn 2015 – 2020
(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Phú Yên)

3. Một số giải pháp giúp phát triển hợp lý các ngành nông – lâm – thủy sản ở Phú Yên



Dựa vào thông tin sau và hiểu biết của em, hãy nêu các giải pháp giúp phát triển hợp lý các ngành nông – lâm – thủy sản ở Phú Yên.

Để tạo đầu ra tiêu thụ sản phẩm ổn định với giá đảm bảo lợi nhuận cho người nông dân, tỉnh Phú Yên thực hiện đổi mới chương trình hợp tác hoá và liên kết "Nhà nước – Nhà doanh Nghiệp – Nhà khoa học – Nhà nông", khuyến khích tổ hợp tác sản xuất kí hợp đồng với doanh nghiệp tiêu thụ, xây dựng kế hoạch sản xuất cho các thành viên thực hiện theo quy trình thống nhất, nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã tại các vùng chuyên canh và khuyến khích phát triển hợp tác xã theo ngành hàng, tổ chức liên kết với nông dân từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu.

Nghiên cứu sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên và đặc điểm thiên tai, nhất là khu vực thường xuyên bị ngập lụt, hạn hán.

Đẩy mạnh quy hoạch trồng cây chắn sóng, chắn gió ven biển; đảm bảo tỉ lệ che phủ và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ đầu nguồn; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng.

II. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

1. Vai trò



Dựa vào thông tin sau và hiểu biết của em, hãy trình bày vai trò của sản xuất công nghiệp đối với kinh tế và đời sống người dân Phú Yên. Lấy ví dụ cụ thể.

- Đóng góp giá trị ngày càng cao vào GRDP của tỉnh, góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Phú Yên.
- Tạo sản phẩm xuất khẩu thu ngoại tệ; cung cấp tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế khác.
- Góp phần tạo việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng thu nhập cho người dân, cải thiện chất lượng cuộc sống.

2. Các thế mạnh và hạn chế



Dựa vào thông tin sau và hiểu biết của em, hãy phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp ở Phú Yên. Lấy ví dụ cụ thể.

Tỉnh Phú Yên có nhiều tiềm năng để phát triển công nghiệp: nguồn nguyên liệu nông – lâm – thủy sản dồi dào; tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng với một số loại có trữ lượng lớn, giá trị kinh tế cao và có khả năng sản xuất ra nhiều sản phẩm hàng hoá phù hợp với nhu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

Các điều kiện cơ sở hạ tầng, kĩ thuật, lực lượng lao động, tiến bộ khoa học kĩ thuật, nguồn vốn được cải thiện và thị trường ngày càng mở rộng.

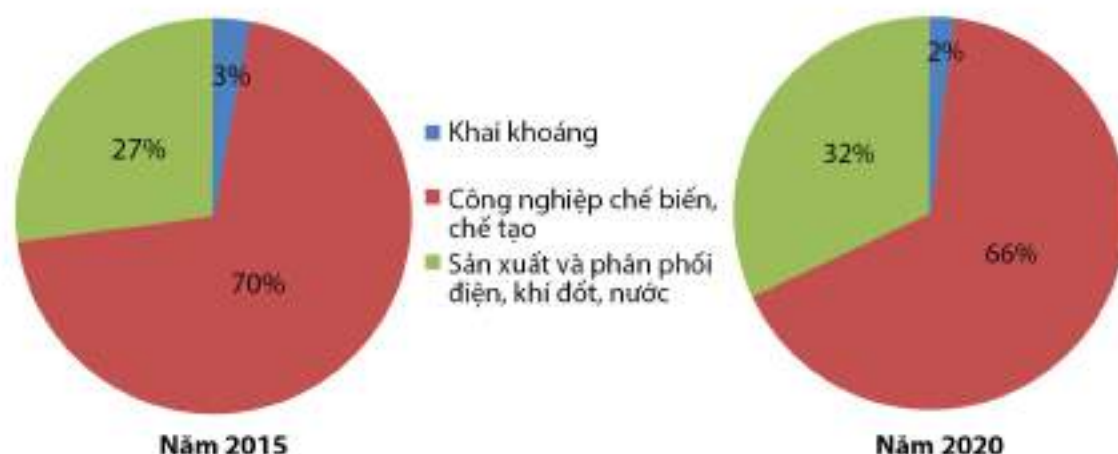
Tuy nhiên, nguồn nhân lực hiện nay ở Phú Yên và hạ tầng các khu, cụm công nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển; còn thiếu nhiều lao động kĩ thuật lành nghề.

3. Sự phát triển và phân bố

Những năm gần đây, ngành công nghiệp tỉnh Phú Yên đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, sản xuất công nghiệp của tỉnh phát triển mạnh, quy mô và năng lực tăng lên rõ rệt, đóng góp lớn vào tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.



Dựa vào Hình 3.8 và kiến thức của em, hãy nhận xét sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của Phú Yên phân theo ngành, giai đoạn 2015 – 2020.



Hình 3.8. Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh Phú Yên năm 2015 và năm 2020
(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Phú Yên)

Ngành công nghiệp tỉnh Phú Yên đang chuyển dịch theo hướng tích cực là nhờ đẩy mạnh sản xuất các ngành có lợi thế lớn.



Dựa vào Bảng 3.5 và kiến thức của em, hãy:

- Nhận xét tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu ở Phú Yên, giai đoạn 2015 – 2020.
- Nêu nơi phân bố chủ yếu của từng sản phẩm.

Bảng 3.5. Tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu ở Phú Yên giai đoạn 2015 – 2020

Năm	2015	2017	2020
Sản phẩm			
Hải sản chế biến (nghìn tấn)	6,6	8,3	14,8
Thuốc viên (triệu viên)	1 170,0	1 400,0	2 120,0
Hạt điều (nghìn tấn)	8,2	11,5	16,8
Nước mắm (triệu lít)	17,4	18,7	19,8
Bia các loại (triệu lít)	67,2	49,0	43,0
Đường kết tinh (nghìn tấn)	131,6	152	80,2
Quần áo các loại (triệu sản phẩm)	8,8	12,5	15,0

Tinh bột sản (nghìn tấn)	131,0	130,0	106,5
Xi măng (nghìn tấn)	86,8	70,0	90,0
Điện sản xuất (triệu kWh)	872,3	1 250,0	2 142,5

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Phú Yên)

Đến năm 2020, tổng số dự án đầu tư vào tỉnh Phú Yên là 355 dự án, trong đó có 304 dự án vốn đầu tư trong nước và 51 dự án vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến từ 16 quốc gia và vùng lãnh thổ như: Ấn Độ, Thái Lan, Malaysia, Brunei, Singapore, Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đức, Anh, Nga, Mỹ, Canada, Thụy Điển, Phần Lan,...

Các dự án đầu tư chủ yếu tập trung vào 3 khu công nghiệp: An Phú, Đông Bắc Sông Cầu và Hoà Hiệp.

Em có biết?

Khu công nghiệp An Phú có diện tích 68,4 ha, đã đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật chính như hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, trạm xử lý nước thải, đường giao thông nội bộ. Tại khu công nghiệp này hiện có 33 dự án đi vào hoạt động, 2 dự án đang triển khai xây dựng; tổng số vốn đầu tư là 472 tỉ đồng và 7 triệu USD.

Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu khu vực I (105,8 ha) đã được đầu tư hoàn thành hạ tầng, hiện có 19 dự án đi vào hoạt động, 1 dự án đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư; tổng số vốn đầu tư là 595 tỉ đồng và 2,6 triệu USD. Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu khu vực II đã có 2 dự án đang trong quá trình lập thủ tục chuẩn bị đầu tư, triển khai dự án, với tổng số vốn đăng ký đầu tư là 2 532 tỉ đồng.

Khu công nghiệp Hoà Hiệp nằm trong Khu kinh tế Nam Phú Yên, bao gồm khu vực I (101,5 ha) đã được đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật bên trong, hiện có 23 dự án đi vào hoạt động, 2 dự án đang triển khai xây dựng, tổng số vốn đầu tư là 4 497 tỉ đồng và 7,6 triệu USD; khu vực II (106 ha) tuy hạ tầng chưa được đầu tư hoàn chỉnh nhưng đã có 1 dự án đi vào hoạt động, 1 dự án đang triển khai xây dựng với tổng số vốn đầu tư là 210 tỉ đồng và 4,9 triệu USD.



Dựa vào thông tin trên và kiến thức của em, hãy:

- Cho biết việc thu hút đầu tư vốn có vai trò như thế nào đối với sự phát triển công nghiệp của tỉnh Phú Yên?
- Giải thích tại sao ngành công nghiệp tỉnh Phú Yên phát triển mạnh ở các khu vực nói trên.

Ngoài ra, tỉnh Phú Yên hiện có 13 cụm công nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập, trong đó có 8 cụm công nghiệp đã được phê duyệt chi tiết. Hiện có 55 dự án đăng ký đầu tư vào các cụm công nghiệp, 38 dự án đang hoạt động, hằng năm giải quyết việc làm cho hơn 1 000 lao động địa phương, đóng góp ngân sách bình quân trên 10 tỉ đồng.



Hình 3.9. Một góc khu công nghiệp Hoà Hiệp (thị xã Đông Hoà)
(Nguồn: lpcphuyen.gov.vn)

4. Một số giải pháp giúp phát triển hợp lý ngành công nghiệp tỉnh Phú Yên



Dựa vào thông tin trong bài và hiểu biết của em, hãy nêu một số giải pháp giúp phát triển hợp lý ngành công nghiệp tỉnh Phú Yên.

Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; khai thác và sử dụng hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của địa phương để đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp theo hướng tạo ra sản phẩm chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Ưu tiên phát triển khu, cụm công nghiệp tại các địa phương có lợi thế về giao thông, địa lý kinh tế, tài nguyên, vùng nguyên liệu, lao động,... có khả năng trở thành động lực tăng trưởng công nghiệp.

Sắp xếp và tổ chức lại sản xuất của một số ngành, sản phẩm công nghiệp theo hướng đảm bảo phát triển sản xuất ổn định, bền vững, không gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực phục vụ đổi mới mô hình tăng trưởng, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghệ lần thứ 4, nhất là nguồn nhân lực lãnh đạo, quản lý và lao động có tay nghề cao.



LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. Trình bày những điều kiện thuận lợi và khó khăn trong sản xuất lúa ở tỉnh Phú Yên.
2. Cho bảng số liệu sau:

Bảng 3.6. Diện tích và sản lượng cao su ở tỉnh Phú Yên giai đoạn 2015 – 2020

Năm	2015	2016	2018	2020
Diện tích trồng cao su (ha)	4 488	4 731	4 063	4 193
Diện tích cao su cho sản phẩm (ha)	1 894	2 175	2 552	2 997
Sản lượng (tấn)	2 465	2 727	3 772	5 117

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Phú Yên)

a. Vẽ biểu đồ thể hiện sự thay đổi diện tích trồng cao su, diện tích cao su cho sản phẩm và sản lượng cao su của tỉnh Phú Yên giai đoạn 2015 – 2020.

b. Nhận xét sự thay đổi diện tích trồng cao su, diện tích cao su cho sản phẩm và sản lượng cao su của tỉnh Phú Yên giai đoạn 2015 – 2020.

3. Trình bày những điều kiện thuận lợi và khó khăn để phát triển ngành nuôi trồng, đánh bắt thủy sản của tỉnh Phú Yên.

4. Cho bảng số liệu sau:

Bảng 3.7. Giá trị sản xuất ngành trồng trọt và chăn nuôi của tỉnh Phú Yên năm 2010 và năm 2020

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	2010	2020
Trồng trọt	3 535,0	6 500,0
Chăn nuôi	1 251,1	3 500,0

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Phú Yên)

a. Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt và chăn nuôi của tỉnh Phú Yên năm 2010 và năm 2020.

b. Hãy phân tích sự thay đổi về quy mô và cơ cấu sản xuất ngành trồng trọt và chăn nuôi của tỉnh Phú Yên.

5. Trình bày những điều kiện thuận lợi và khó khăn trong phát triển công nghiệp của tỉnh Phú Yên.

6. Cho bảng số liệu:

Bảng 3.8. Giá trị GRDP phân theo khu vực kinh tế của tỉnh Phú Yên năm 2010 và năm 2020

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	2010	2020
Nông – lâm – thủy sản	4 992,3	11 343,5
Công nghiệp, xây dựng	4 643,2	13 890
Dịch vụ	7 820,1	21 066,5

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Phú Yên)

a. Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu giá trị GRDP phân theo khu vực kinh tế của tỉnh Phú Yên năm 2010 và năm 2020.

b. Nhận xét và giải thích sự thay đổi về quy mô và cơ cấu giá trị GRDP phân theo khu vực kinh tế của tỉnh Phú Yên năm 2010 và năm 2020.

VẬN DỤNG

Thiết kế một chuyến tham quan tìm hiểu thực tế các làng nghề hoặc khu công nghiệp trong một ngày. Viết báo cáo thu hoạch sau khi tham quan.



Hình 3.10. Làng nghề bánh trắng Đông Bình (huyện Phú Hoà)
(Ảnh: Phương Nam)

Lao động và việc làm ở Phú Yên



MỤC TIÊU

- Trình bày được đặc điểm, tình hình lao động và việc làm ở Phú Yên.
- Nêu được một số nhóm ngành chính và sự chuyển dịch cơ cấu lao động ở Phú Yên trong những năm gần đây.
- Dự báo được tình hình lao động và việc làm ở Phú Yên trong thời gian tới để có ý thức học tập và rèn luyện nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.
- Lập được kế hoạch học tập và rèn luyện để tham gia thị trường lao động trong tương lai.



KHỞI ĐỘNG

Em hãy nêu suy nghĩ của bản thân về hai câu tục ngữ:

- *Ruộng bẻ bẻ không bằng nghề trong tay.*
- *Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.*



KHÁM PHÁ



Dựa vào các thông tin trong bài, em hãy cho biết:

- Thực trạng lao động ở Phú Yên hiện nay như thế nào?
- Sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành ở Phú Yên hiện nay như thế nào?
- Ngành nào ở Phú Yên mang đến nhiều cơ hội việc làm cho người lao động?

I. NGUỒN LAO ĐỘNG CỦA TỈNH PHÚ YÊN

Dân số tỉnh Phú Yên trung bình năm 2020 là 874 295 người, trong đó: dân số nam 439 703 người (chiếm 50,29%), dân số nữ 434 592 người (chiếm 49,71%). Dân số khu vực thành thị 285 903 người (chiếm 32,7%), dân số khu vực nông thôn 588 392 người (chiếm 67,3%).

Nguồn lao động của tỉnh Phú Yên dồi dào. Năm 2020, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh Phú Yên là 510 670 người, chiếm 58,41% trong tổng dân số toàn tỉnh. Trong đó tỉ lệ lao động nam chiếm 54,16%, lao động nữ chiếm 45,84%.

Trình độ lao động chưa cao. Năm 2020, tỉ lệ lao động qua đào tạo chiếm khoảng 17,52% lực lượng lao động; trong đó, khu vực thành thị đạt 28,10%; khu vực nông thôn đạt 13,57%. Tỉ lệ này có sự chênh lệch giữa nam và nữ, nam đạt 19,64%, nữ đạt 15,03%. Tỉ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2020 là 2,72%.

Bảng 4.1. Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo phân theo giới tính và theo thành thị, nông thôn

(Đơn vị: %)

Năm	Tổng số	Phân theo giới tính		Phân theo thành thị, nông thôn	
		Nam	Nữ	Thành thị	Nông thôn
2016	16,87	18,66	14,90	36,96	9,47
2017	18,03	20,77	14,92	32,01	12,97
2018	14,68	17,15	11,89	25,98	10,70
2019	16,21	18,84	13,09	27,90	12,13
2020	17,52	19,64	15,03	28,10	13,57

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Phú Yên 2020)

Nhìn chung, lực lượng lao động của tỉnh Phú Yên gia tăng hằng năm, trong khi nền kinh tế của địa phương còn khó khăn; hoạt động sản xuất kinh doanh, du lịch và dịch vụ thực hiện giảm lao động chính thức, tăng tuyển dụng lao động thời vụ, lao động tạm thời. Chính điều này làm cho số lao động chính thức giảm, số lao động phi chính thức tăng, dẫn đến tình trạng thất nghiệp trong độ tuổi lao động chiếm tỉ lệ cao.

II. CƠ CẤU LAO ĐỘNG CỦA TỈNH PHÚ YÊN

1. Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế

a. Nhóm sản xuất

• Nông, lâm, ngư nghiệp

Năm 2020, lĩnh vực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của tỉnh Phú Yên được xác định là lĩnh vực giúp ổn định nền kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội. Tỷ trọng lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 41% tổng số lao động toàn tỉnh.



Hình 4.1. Nông dân Phú Yên thu hoạch lúa vụ Đông xuân năm 2021-2022
(Ảnh: Nguyễn Bảo Toàn)



Hình 4.2. Tàu của ngư dân phường Phú Đông, thành phố Tuy Hoà về bến
sau chuyến đánh bắt, khai thác thủy sản
(Ảnh: Nguyễn Bảo Toàn)

• Công nghiệp, xây dựng

Các ngành công nghiệp như khai khoáng, chế biến, chế tạo, sản xuất, phân phối điện, nước về cơ bản đều tăng; cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng. Tỷ trọng lao động trong các ngành công nghiệp và xây dựng chiếm hơn 25% tổng số lao động toàn tỉnh.



Hình 4.3. Công nhân làm việc tại Khu công nghiệp Hoà Hiệp II, thị xã Đông Hoà
(Ảnh: Nguyễn Bảo Toàn)

b. Nhóm kinh doanh và dịch vụ

Các hoạt động du lịch, tham quan, mua sắm, vận chuyển hành khách, hàng hoá tăng dẫn đến hoạt động lưu trú, ăn uống và kinh doanh hàng hoá trên địa bàn tỉnh có xu hướng phát triển mạnh. Tỷ trọng lao động trong lĩnh vực này chiếm 30% tổng số lao động toàn tỉnh.

2. Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế

Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế ở tỉnh Phú Yên năm 2020 ước tính đạt 497 886 người, chiếm 97,5% lực lượng lao động 15 tuổi trở lên. Trong đó, tổng số lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc trong khu vực kinh tế Nhà nước là 34 622 người, chiếm 6,95%; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước là 459 465 người, chiếm 92,28%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là 3 799 người, chiếm 0,77%.

**Bảng 4.2. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hằng năm
(phân theo thành phần kinh tế)**

(Đơn vị: nghìn người)

Năm	Tổng số	Khu vực Nhà nước	Khu vực ngoài Nhà nước	Khu vực đầu tư nước ngoài
2015	514,71	41,27	471,09	2,35
2016	517,42	40,73	474,55	2,14
2017	506,80	40,46	463,38	2,96
2018	518,88	39,02	476,90	2,96
2019	510,13	38,60	468,28	3,25
2020	497,89	34,62	459,47	3,80

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Phú Yên 2020)

3. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động

Mục tiêu của chuyển dịch cơ cấu lao động là đảm bảo cho mọi người lao động trong độ tuổi, có khả năng lao động, sẵn sàng làm việc tìm được việc làm có thu nhập ổn định, cải thiện đời sống, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, phát triển nền kinh tế của tỉnh nhanh và bền vững theo hướng chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế để giải quyết tốt việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh.

Cơ cấu lao động của tỉnh Phú Yên có sự dịch chuyển theo hướng giảm tỉ trọng lao động nông, lâm, ngư nghiệp, tăng tỉ trọng lao động công nghiệp, xây dựng và kinh doanh, dịch vụ. Đây là sự chuyển dịch theo chiều hướng tích cực. Tăng tỉ lệ lao động phi nông nghiệp là xu thế tất yếu, là nội dung quan trọng có tính chiến lược và đột phá trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm phát huy nguồn lực cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế – xã hội, cải thiện đời sống nhân dân Phú Yên.

III. VIỆC LÀM Ở PHÚ YÊN

1. Thực trạng việc làm

Nhu cầu lao động ở tỉnh Phú Yên đa dạng và phong phú. Vấn đề giải quyết việc làm được chú trọng. Hằng năm, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho hơn 24 000 lao động.

Năm 2020, tỉ lệ thất nghiệp ở tỉnh Phú Yên là 2,72%; tỉ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi là 4,44%.

Bảng 4.3. Tỉ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi phân theo giới tính và theo thành thị, nông thôn

(Đơn vị: %)

Năm	Tổng số	Phân theo giới tính		Phân theo thành thị, nông thôn	
		Nam	Nữ	Thành thị	Nông thôn
2016	1,79	2,00	1,53	3,60	1,09
2017	1,60	1,81	1,34	3,00	1,08
2018	1,20	0,73	1,79	1,84	0,98
2019	2,17	2,03	2,36	3,27	1,77
2020	2,72	1,90	3,87	4,29	2,21

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Phú Yên 2020)

Bảng 4.4. Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi phân theo giới tính và theo thành thị, nông thôn

(Đơn vị: %)

Năm	Tổng số	Phân theo giới tính		Phân theo thành thị, nông thôn	
		Nam	Nữ	Thành thị	Nông thôn
2016	1,23	0,85	1,68	0,87	1,36
2017	1,41	1,16	1,71	1,10	1,52
2018	1,36	1,17	1,61	0,75	1,59
2019	1,32	0,92	1,84	0,97	1,44
2020	4,44	3,34	5,88	4,33	4,48

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Phú Yên 2020)

2. Một số biện pháp giải quyết việc làm

Giải quyết việc làm, đào tạo nghề là một trong những vấn đề có ý nghĩa quan trọng, được xã hội quan tâm. Đây cũng là mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp đã đề ra, là một trong những biện pháp bền vững nhất trong công cuộc xoá đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu.

Một số giải pháp góp phần giải quyết vấn đề lao động và việc làm hiện nay của tỉnh Phú Yên:

- Chú trọng công tác đào tạo nghề cho người lao động gắn với giải quyết việc làm theo nhu cầu xã hội.
- Xây dựng và phát triển đồng bộ hệ thống thông tin thị trường lao động.
- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động sang khu vực có năng suất lao động cao.
- Quan tâm, thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, đầu tư các công trình phúc lợi xã hội phục vụ người lao động và bảo đảm an toàn lao động.
- Đa dạng các hình thức kết nối cung cầu lao động; tạo cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề chuyển giao kỹ thuật, công nghệ tại các vùng nông thôn, miền núi và cho dân tộc thiểu số để tạo việc làm tại chỗ.



Hình 4.4. Một phiên giao dịch việc làm ở tỉnh Phú Yên
(Ảnh: Nguyễn Bảo Toàn)



LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. Phân tích sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành và theo thành phần kinh tế ở tỉnh Phú Yên trong những năm gần đây.
2. Em hãy đề xuất một số biện pháp để giải quyết vấn đề việc làm ở tỉnh Phú Yên.

VẬN DỤNG

1. Theo em, những địa phương nào ở tỉnh Phú Yên mang đến nhiều cơ hội việc làm cho người lao động? Vì sao?
2. Là học sinh trung học phổ thông, em cần phải làm gì để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động hiện nay?
3. Em thích làm nghề gì trong tương lai? Vì sao? Hãy lập kế hoạch học tập và rèn luyện để có thể làm được nghề em thích.

Văn học dân gian Phú Yên



MỤC TIÊU

- Trình bày được đặc điểm của văn học dân gian Phú Yên.
- Phân tích được giá trị nội dung và đặc điểm nghệ thuật của đoạn trích “Đánh nhau với Chi Lơ Bú” (Trích sử thi *Tiếng cồng ông bà Hbia LoĐă*).
- Hệ thống hoá được các thể loại của văn học dân gian Phú Yên.
- Yêu quý, trân trọng tác phẩm văn học dân gian Phú Yên.
- Cũng cố, nâng cao một số kiến thức Tiếng Việt như: biện pháp tu từ, từ láy,...



KHỞI ĐỘNG

Kho tàng văn học dân gian Phú Yên có nhiều tác phẩm với nhiều thể loại khác nhau. Em đã được nghe kể những truyện cổ, nghe đọc những bài ca dao,... của quê hương. Hãy kể/ đọc một tác phẩm văn học dân gian Phú Yên mà em yêu thích cho các bạn cùng nghe.



KHÁM PHÁ

I. TRI THỨC ĐỌC HIỂU

- Văn học dân gian Phú Yên là những tác phẩm văn học truyền miệng do người dân Phú Yên sáng tác và lưu truyền qua nhiều thế hệ.
- Văn học dân gian Phú Yên là sản phẩm tinh thần chung của các dân tộc anh em chung sống trên vùng đất Phú Yên.
- Văn học dân gian Phú Yên gồm nhiều thể loại: thần thoại, sử thi, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn, tục ngữ, câu đố, ca dao dân ca,...
- Văn học dân gian Phú Yên cũng như văn học dân gian nói chung có tính truyền miệng, tính tập thể và gắn liền với môi trường sống.
- Văn học dân gian Phú Yên chứa đựng những giá trị độc đáo cả về nội dung, tư tưởng lẫn nghệ thuật.

II. VĂN BẢN ĐỌC

ĐÁNH NHAU VỚI CHI LƠ BÚ¹

(Trích sử thi *Tiếng cồng ông bà Hbia LoĐă²* của dân tộc Chăm)

[...]

Chi Lơ Bú: – *Mày từ đâu đến đây*
Thằng nhãi chó kia
Làm hư hết vật thiêng của ta
Nay mất hết phép biến hoá
Các Giàng biết làm phép bỏ ta
Theo mây hết rồi à?
Các Giàng biết làm phép biến hoá bỏ ta
Thì ta cầm dao ra đánh nhau với mày.
Em ta Prong Mung đâu
Mang khiên đao ra đây
Ta đánh chết thằng nhóc con này.

Xing Chi Ngă: – *Ông mang khiên đao*
Ra múa cho ta xem
Để cho lũ làng cùng xem
Anh em ông múa khiên,
luyện đao giỏi tới đâu
Mau mau chó ông!
Ta chờ lâu quá rồi đây.

Xing Chi Ngă dậm chân trái
Xuất hiện một cái khiên to
bằng chái nhà sàn

¹ Nhan đề đoạn trích do Ban biên soạn đặt.

² “*Tiếng cồng ông bà Hbia LoĐă*” là sử thi của cộng đồng người Chăm ở Phú Yên do Oi Săng làng Ma Hoá, xã Phước Tân, huyện Sơn Hoà, tỉnh Phú Yên kể. Nhà nghiên cứu Ka Sô Liêng ghi chép, biên dịch và giới thiệu. Sử thi “*Tiếng cồng ông bà Hbia LoĐă*” kể về những cuộc xung đột liên miên giữa các tù trưởng. Họ đánh nhau vì muốn mình giàu hơn, hùng mạnh hơn và vì phải bảo vệ buôn làng, bộ tộc mình. Đoạn trích trên miêu tả cuộc chiến căng thẳng, ác liệt giữa Xing Chi Ngă và Chi Lơ Bú.

Tay trái cầm khiên
Dậm chân phải xuất hiện
Một kiếm to như con trăn
Sáng như ngọn lửa bếp
Nhọn hơn mỏ con két
Sắc hơn thăng vọt mây
Xing Chi Ngã dậm mạnh
hai chân xuống đất
lún sâu thành cái ao
Xing Chi Ngã vút lên cao
Như mũi tên to nhất trên lưng đất
Xing Chi Ngã thả đao sang trái
Cây k'nia, cây ké to bằng ba người ôm quanh vòng
ngã rạp xuống
như người ta phạt tranh
Xing Chi Ngã hất khiên qua phải
Bay mái trước nhà Chi Lơ Bú
Lia sang trái,
bay mái dài bên trái
Đỡ ngựa khiên lên,
bay mái dài bên phải
Chi Lơ Bú lao lên đụng vào khiên
Xing Chi Ngã rầm như sét đánh
Tay trái cầm khiên, tay phải cầm đao
Chi Lơ Bú đuối chém Xing Chi Ngã
Xing Chi Ngã chạy trước
Vừa chạy vừa chơi đùa
Chọc tức Chi Lơ Bú
Chim thú rìm đầu nhúc óc
Gấu chui vào hốc cây tránh

Cọp beo chạy vào hàng đá trốn
Tiếng khiên chạm khiên ầm ầm
Như sấm rền thác đổ
Dao chạm dao chan chát
Như người cầm rìu đốn cây
Như đá đập vào nhau
Chi Lơ Bú già đuổi không kịp

Xing Chi Ngã

Prong Mung thấy anh đã đuổi súc
Liền lao lên như con kên kên
Tay trái cầm khiên
Tay phải cầm dao
Lao thẳng về phía trước
Chặn đầu Xing Chi Ngã
Xing Chi Ngã nhanh hơn chớp
Phạt cây kiếm sang phải
Bay mất dao của Prong Mung
Prong Mung phải quay lại
Lấy dao khác lên đánh nhau
Hai anh em Chi Lơ Bú quay đánh Xing Chi Ngã
Từ đất người Chăm
Bay sang đất người Cơ-ho người Chil,
Từ đất người Mạ,
Qua đất người Xtiêng, người Tring
Họ đuổi Xing Chi Ngã
Quay ra phía đất người Ca Dong
Vòng lên đất người Xơ-đăng
Từ đất người Mnâm
Chạy đến đất người Hré,

Rời qua đất người Co-tu, người Tà-ôi
Xing Chi Ngã chạy ngang qua
Đất Lao và đất Kul
Quay về đất Mnông
Chạy sang đất Ê-đê,
Qua đất người Ba-na
Khiên chạm khiên
Dao đụng dao
Âm ầm, rào rào
Rầm rầm, rập rập
Suốt ngày, suốt đêm
Làm cho các làng
Sôi lên sùng sục
Như sấm như sét
Như bão to mưa lớn
Người các làng ăn không ngon,
ngủ không yên
Xing Chi Ngã thấy Chi Lơ Bú
cùng Prong Mung đã thấm mệt
Xing Chi Ngã quay lại đuổi anh em Chi Lơ Bú
Xing Chi Ngã đuổi qua đất người Ba-na,
Xing Chi Ngã thả dao xuống cắm vào người Prong Mung đứt làm hai
Một khúc văng về phía bắc,
Máu chảy tràn thành con sông Krông Pa
Khúc trên văng về nam,
Rơi xuống đồi cao suối sâu
Thành Tơ nầu Êa Ta Sĩ (Biển Hồ)
Xing Chi Ngã đuổi Chi Lơ Bú
Qua đất người Ê-đê

Xing Chi Ngã phạt dao qua phải
Đút hai thân Chi Lơ Bú
Khúc dưới rơi xuống đôi gò
Máu chảy thành Krông Ana
Khúc trên rót xuống
Một đôi lún sâu
Thành hồ Klok
Xing Chi Ngã quay lại làng Chi Lơ Bú
Gặp Hbia Lơ Gôi chặn đường
Đánh nhau với Xing Chi Ngã
Chạy qua đất người Raglay
Quay lại vùng đất người Chăm
Xing Chi Ngã phạt sang trái
Đút đầu rót xuống đỉnh núi
Lún sâu thành Tơ nâu Treã
Còn thân mình Hbia Lơ Gôi
Vẫn còn cầm dao đuổi theo Xing Chi Ngã
Một lần nữa, Xing Chi Ngã quay lại
Thả dao xuống đút đôi thân Hbia Lơ Gôi,
Một nửa rót xuống phía bắc
Thành sông Krông
Một nửa rót xuống phía tây
Biến thành sông Cà Lúi
Xing Chi Ngã quay lại làng Chi Lơ Bú
Người xấu bụng
Tìm đường chạy trốn
Người tốt thì ào ào
Đổ ra đón Xing Chi Ngã
Đã giết được anh em Chi Lơ Bú.

Xing Chi Ngã: – *O người già! O lũ làng!*

*Ta giết được anh em Chi Lơ Bú,
Ta không muốn giết anh em họ
Nhưng ta không giết họ,
Thì họ cũng giết ta
Ta đành phải giết họ
Để người làng chúng ta được yên
Ta nói với lũ làng thế này
Những người bị anh em Chi Lơ Bú
Bắt làm đầy tớ
Ai muốn về lại làng cũ
Thì ta cho về
Ai muốn ở lại đây làm ăn
Thì ta cũng cho họ ở
Ta giao cho bà Chơ Boai Mơ Reã
Thay ông Chi Lơ Bú làm chủ làng
Lũ làng chịu không?*

*Lũ làng vui mừng
Đồng ý theo lời Xing Chi Ngã
Xing Chi Ngã lấy ché tốt, công, ching tốt
Bảo lũ làng bắt voi, bắt ngựa chở về
Xing Chi Ngã lấy lúa, bắp,*

heo, gà, trâu bò nhà Chi Lơ Bú

*Chia cho người nghèo người khổ
Xing Chi Ngã đi tìm mẹ
Tìm So Mơ Linh*

dẫn về làng mình...

(*"Tiếng cồng ông bà Hbia LơĐã"*, Ka Sô Liêng ghi chép, biên dịch và giới thiệu, Hội Văn nghệ dân gian và văn hoá các dân tộc tỉnh Phú Yên, 2000, tr. 418 – 426)



Hình 5.1. Nhà nghiên cứu Ka Sô Liêng giới thiệu với học sinh tiểu học về sử thi
(Nguồn: baodantoc.vn)

* Hướng dẫn đọc hiểu

1. Đoạn trích gồm nhiều tình tiết liên tiếp nhau. Hãy tóm tắt mỗi tình tiết bằng một câu và sắp xếp theo thứ tự:

(Gợi ý: a. Chi Lơ Bú buông lời sỉ nhục, đòi đánh nhau với Xing Chi Ngă.

b. Xing Chi Ngă không hề sợ hãi, chấp nhận đánh nhau với anh em Chi Lơ Bú,...).

2. Thái độ, hành động của Xing Chi Ngă và anh em Chi Lơ Bú thể hiện như thế nào trong trận đánh? Nêu nhận xét của em về tính cách của các nhân vật này.

3. Qua quá trình chiến đấu và chiến thắng của Xing Chi Ngă, nhân dân muốn phản ánh điều gì?

4. Sau chiến thắng, thái độ của lũ làng đối với Xing Chi Ngă như thế nào? Thái độ ấy thể hiện thông điệp gì?

5. Chỉ ra những hình ảnh so sánh, phóng đại trong đoạn trích trên. Cho biết ý nghĩa của thủ pháp nghệ thuật này trong việc diễn tả tư tưởng chủ đề của đoạn trích.

6. Theo em, trong thời đại ngày nay, sử thi "Tiếng cồng ông bà Hbia LơĐă" có còn sức cuốn hút với nhân dân không? Vì sao?

Ghi nhớ: Đoạn trích "Đánh nhau với Chi Lơ Bú" trong tác phẩm sử thi "Tiếng cồng ông bà Hbia LơĐă" phản ánh hiện thực đấu tranh của các bộ lạc thời nguyên thủy xa xưa; ca ngợi người anh hùng luôn chiến đấu, hi sinh vì cộng đồng và bày tỏ niềm tự hào về sự lớn mạnh, giàu có của bộ tộc.

III. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Phân tích tác dụng của thủ pháp so sánh, phóng đại trong các ngữ liệu bên dưới:

a. Xing Chi Ngã dậm chân trái

Xuất hiện một cái khiên to

bằng chái nhà sàn

Tay trái cầm khiên

Dậm chân phải xuất hiện

Một kiếm to như con trăn

Sáng như ngọn lửa bếp

Nhọn hơn mỏ con két

Sắc hơn thừng vót mây

Xing Chi Ngã dậm mạnh

hai chân xuống đất

lún sâu thành cái ao

Xing Chi Ngã vút lên cao

Như mũi tên to nhất trên lưng đất.

b. Xing Chi Ngã hất khiên qua phải

Bay mái trước nhà Chi Lơ Bú

Lia sang trái,

bay mái dài bên trái

Đỡ ngựa khiên lên,

bay mái dài bên phải

Chi Lơ Bú lao lên đung vào khiên

Xing Chi Ngã rầm như sét đánh.

2. Chỉ ra và phân tích tác dụng của các từ láy trong đoạn trích sau:

Âm ầm, rào rào
Rầm rầm, rập rập
Suốt ngày, suốt đêm
Làm cho các làng
Sôi lên sùng sục
Như sấm như sét
Như bão to mưa lớn.

IV. VĂN BẢN ĐỌC MỞ RỘNG

Khoai lang Suối Mít,
Đậu phụng Hòn Vung.
Chàng đào thiếp mót, bỏ chung một gùi.
Vi đâu duyên nợ sứt sùi,
Chàng giận, chàng đá cái gùi chàng đi.
Chim kêu dưới suối Từ Bi
Nghĩa nhơn còn bỏ, hướng chi cái gùi...

(Theo Ca dao dân ca trên vùng đất Phú Yên, Hội Văn nghệ dân gian
và Văn hoá các dân tộc Phú Yên, 1996, tr. 331)

* Hướng dẫn đọc mở rộng

1. Bài ca dao trên được viết theo thể thơ nào?
2. Kể tên những địa danh của Phú Yên được nhắc đến trong bài ca dao.
3. Hình ảnh "Chàng đào thiếp mót bỏ chung một gùi" và "Chàng giận, chàng đá cái gùi chàng đi" diễn tả điều gì?
4. Nhận xét về tâm trạng của cô gái trong bài ca dao.
5. Chỉ ra và nêu tác dụng của những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài ca dao.
6. Nêu chủ đề bài ca dao.



LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. Nêu các đặc điểm của văn học dân gian Phú Yên.

2. Viết đoạn văn trình bày cảm nhận về một nhân vật em yêu thích trong đoạn trích “Đánh nhau với Chi Lơ Bú”.

Gợi ý:

a. Chuẩn bị

– Chọn nhân vật yêu thích.

– Đọc kĩ đoạn trích “Đánh nhau với Chi Lơ Bú”.

b. Xác định yêu cầu của đề

– Yêu cầu về hình thức: đảm bảo hình thức của một đoạn văn.

– Yêu cầu về nội dung: trình bày được suy nghĩ, cảm xúc của mình về nhân vật đã chọn.

c. Dàn ý

– Mở đoạn: giới thiệu nhân vật, nêu ấn tượng chung về nhân vật.

– Thân đoạn: thể hiện được cảm xúc, suy ngẫm của bản thân về ngoại hình, lời nói, hành động, tính cách,... của nhân vật.

– Kết đoạn: khái quát lại vấn đề.

VẬN DỤNG

1. Sưu tầm, phân loại sử thi dân gian Phú Yên theo mẫu:

STT	Tên sử thi	Dân tộc	Người kể
1			
2			

2. Sân khấu hoá đoạn em yêu thích trong đoạn trích “Đánh nhau với Chi Lơ Bú” và biểu diễn trước lớp hoặc trong lễ hội của trường để quảng bá sử thi Phú Yên.

Một số bài dân ca Chăm H'roi ở Phú Yên



MỤC TIÊU

- Biết được người Chăm H'roi là dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời trên vùng đất Phú Yên.
- Hát được một số bài dân ca Chăm H'roi ở Phú Yên.
- Hát đúng cao độ, trường độ, rõ lời và thể hiện được sắc thái của các bài dân ca.
- Biết trân trọng, tự hào, bảo tồn và phát huy dân ca địa phương.



KHOẢNG ĐỘNG

1. Kể tên một vài dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời trên vùng đất Phú Yên.
2. Nghe một bài dân ca Chăm H'roi ở Phú Yên.



KHÁM PHÁ

1. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ NGƯỜI CHĂM H'ROI Ở PHÚ YÊN



Dựa vào thông tin sau và hiểu biết của em, hãy giới thiệu sơ lược về đời sống vật chất và tinh thần của người Chăm H'roi.

Người Chăm H'roi ở Phú Yên là một trong những dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời trên vùng đất Phú Yên. Tính đến năm 2022, người Chăm H'roi sống tập trung đông nhất (22 825 người) ở hai huyện miền núi Sơn Hoà và Đồng Xuân.

Người Chăm H'roi theo chế độ mẫu hệ, hoạt động kinh tế chủ yếu là làm nương rẫy, làm ruộng nước, trồng rừng, trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, gia cầm, làm các sản phẩm thủ công truyền thống,...

Đối với người Chăm H'roi, lễ hội là một hoạt động vừa mang ý nghĩa tâm linh, vừa mang đậm yếu tố cộng đồng. Gần như cuộc đời của mỗi người và các hoạt động của buôn làng đều gắn liền với lễ hội. Thông qua các lễ hội, văn hoá truyền thống được biểu hiện một cách đầy đủ và rõ nét như: điêu khắc (cây nêu, cột nhà mồ, cây plao,...), hội hoạ (trang trí nhà mồ), âm nhạc (diễn tấu cồng, chiêng, trống, hát dân ca,...), trang phục dân tộc (màu sắc, đường nét, hoa văn), văn học dân gian (hát trường ca, lời khấn của thầy cúng,...).



Hình 6.1. Người Chăm H'roi trình diễn Trống đôi trong lễ hội
(Ảnh: Nguyễn Danh Hạnh)

Lễ hội có hai phần, phần đầu là lễ, phần sau là hội. Phần lễ nghiêm trang, linh thiêng, huyền bí còn phần hội thì vô cùng rộn ràng, sôi nổi. Người Chăm H'roi vừa đánh cồng chiêng, vừa hát chúc tụng, ca ngợi về tình yêu và lòng dũng cảm; bày tỏ những tâm tư tình cảm, những lời khấn cầu tha thiết đối với trời đất, vũ trụ và con người; thể hiện mong muốn có một cuộc sống bình yên, ấm no, hạnh phúc, mọi người yêu thương nhau, buôn làng không gặp thiên tai dịch bệnh.

II. MỘT SỐ BÀI DÂN CA TRONG SINH HOẠT ĐỜI THƯỜNG CỦA NGƯỜI CHĂM H'ROI Ở PHÚ YÊN

Dân ca Chăm H'roi rất phong phú và đa dạng. Người Chăm H'roi thích ca hát và sống gắn bó với nhau trong lao động sản xuất cũng như trong các hoạt động của cộng đồng. Ca hát không chỉ là để giải trí mà còn là nhu cầu từ cuộc sống và tình cảm của mỗi người. Họ hát trong các nghi lễ, trong lao động sản xuất, hát ru, hát về tình yêu đôi lứa,...

Những bài dân ca nhằm làm vui đi sự nặng nhọc, mệt mỏi, đồng thời làm tăng tinh thần lao động của người dân, giúp cho công việc lao động hiệu quả hơn. Thông qua những bài hát mà nam nữ thanh niên tìm hiểu và thổ lộ tình cảm với nhau,...



Hát và gõ đệm bằng nhạc cụ gõ các bài dân ca sau:

HÁT MỪNG LÚA MỚI

(Dân ca Chăm H'roi)

Kí âm – Phòng dịch: NSƯT Ngọc Quang

5 Có tiếng chim rộn rã trên nương, cất tiếng ca vui mừng được mùa.

10 Tiếng suối reo hoà theo nhịp công, làng buồn hời vui mở ừ hội —

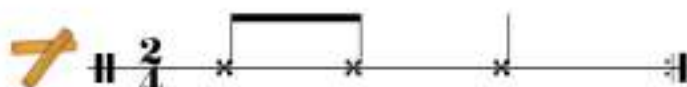
14 Tiếng chiêng rộn vang, reo ca vui mừng buồn ta, đã

18 qua những ngày tối tăm, cuộc đời từ đây tươi sáng. Hát

21 lên buồn làng ta ơi. Lúa trên nương chín vàng reo

ca, tiếng chiêng vui tung bùng buồn ta.

Gõ đệm bài dân ca **Hát mừng lúa mới**:



BUỔI SÁNG TRÊN NƯƠNG

(Dân ca Chăm H'roi)

Ki âm: NSUT Ngọc Quang

Lời: So Ly Hương

Sáng sáng sớm rủ nhau lên nương ời làng làng buồn ta
5 ời. Sáng sáng sớm rủ nhau lên nương ời làng làng buồn ta
9 ời. Mặt trời lên nằm trên đỉnh núi tiếng gà
13 rừng rộn rã trên nương. Đàn bò lông vàng như vạt nắng. Hương lúa
17 mùa thơm bếp nhà rông. Đàn em thơ cắp sách đến trường. Suối róc
21 rách đỉnh núi mờ sương. Buổi sáng rộn ràng trên quê ta ời núi
25 rừng đẹp muôn câu ca.

Gõ đệm bài dân ca **Buổi sáng trên nương**:



VUI ĐƯỢC MÙA LÚA RẼY

(Dân ca Chăm H'roi)

Nghệ nhân hát: So Minh Thứ

Kí âm – phỏng dịch: NSƯT Ngọc Quang

Rộn ràng - Lạc quan

Thánh thót tiếng chim Pơ__ Rồ, xôn xao rừng núi buồn
làng, ca vang mừng mùa lúa__ mới. Em đi lên nương lên__
rẫy, câu ca rộn rã núi rừng. Buôn làng tung bừng mở__
hội à à à_____ Đêm nay bên ánh lửa
hồng, nghe men rượu cần nồng nàn ngọt ngào mềm__ mại.
Đôi chân nhịp nhàng điệu xoang rộn ràng rộn ràng. Âm vang núi rừng mừng
vui mở hội được mùa.

Gỗ đệm bài dân ca **Vui được mùa lúa rẫy**:





LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. Những bài dân ca của người Chăm H'roi ở Phú Yên có giá trị như thế nào đối với đời sống của họ?
2. Chọn tập hát, gõ đệm bằng nhạc cụ gõ một trong ba bài dân ca trên và biểu diễn trước lớp.

VẬN DỤNG

1. Em hãy sáng tạo mẫu gõ đệm cho một trong ba bài dân ca trên.
2. Tìm hiểu, luyện tập và biểu diễn một bài dân ca của một dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời ở Phú Yên mà em biết.
3. Theo em, cần làm gì để giữ gìn và phát huy âm nhạc dân gian của quê hương?

Nhà ở truyền thống của một số vùng miền ở Phú Yên



MỤC TIÊU

- Trình bày được giá trị thẩm mỹ và một số đặc điểm về cấu trúc của nhà ở truyền thống của một số vùng miền ở Phú Yên.
- Trình bày, nhận xét được một số công trình kiến trúc nhà ở truyền thống tiêu biểu ở Phú Yên.
- Làm được mô hình nhà ở truyền thống của một số vùng miền ở Phú Yên; viết bài luận giới thiệu về giá trị tiêu biểu của nhà ở truyền thống để bảo tồn và quảng bá nét đẹp nhà ở truyền thống của một số vùng miền.
- Yêu mến và tự hào về truyền thống văn hoá, nghệ thuật của quê hương; có ý thức giữ gìn và phát huy giá trị mỹ thuật, quảng bá hình ảnh về nhà ở truyền thống của một số vùng miền ở Phú Yên.



KHỞI ĐỘNG

Quan sát các hình sau và cho biết các công trình này thuộc loại nghệ thuật kiến trúc truyền thống nào?



Hình 7.1. Một ngôi nhà ở truyền thống của người Ê-đê ở Phú Yên
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 7.2. Một ngôi nhà ở truyền thống của người Chăm ở Phú Yên
(Nguồn: baophuyen.com.vn)



KHÁM PHÁ

I. ĐẶC TRƯNG NHÀ Ở TRUYỀN THỐNG CỦA MỘT SỐ VÙNG MIỀN Ở PHÚ YÊN



Nhà ở truyền thống của một số vùng miền ở Phú Yên có những đặc trưng gì?

Tỉnh Phú Yên thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, là tỉnh có bề dày lịch sử và văn hoá, có vị trí rất quan trọng trong tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Phú Yên có gần 600 di tích gồm nhiều loại hình như: di tích lịch sử, văn hoá, khảo cổ học, danh lam thắng cảnh, nghệ thuật kiến trúc nhà ở cổ truyền thống,... Các di tích này phân bố đều trên toàn tỉnh, thể hiện nhiều nền văn hoá khác nhau gồm: văn hoá Việt, văn hoá các dân tộc thiểu số ở miền núi,...

Xét riêng về kiến trúc nhà ở truyền thống ở Phú Yên, gồm có những đặc trưng sau:

- Về vật liệu: nhà được làm bằng gỗ, mái lợp tranh, vách xung quanh che chắn bằng phen trét đất (đối với nhà ở của người Kinh) hoặc bằng cây nhỏ, tre, gỗ,... (đối với nhà ở của đồng bào dân tộc miền núi).

- Về kết cấu: kết cấu nhà phù hợp với điều kiện tự nhiên (khí hậu, thời tiết, địa hình, môi trường xung quanh,...). Nhà ở truyền thống ở Phú Yên gắn với đời sống sinh hoạt thường ngày và mang đậm bản sắc đặc trưng của vùng, miền.

- Về không gian sinh hoạt: nhà ở truyền thống của các dân tộc khác nhau có không gian sinh hoạt khác nhau dựa trên hoạt động kinh tế, phong tục tập quán và tín ngưỡng của các dân tộc đó.

II. MỘT SỐ LOẠI HÌNH KIẾN TRÚC NHÀ Ở TRUYỀN THÔNG CỦA MỘT SỐ VÙNG MIỀN Ở PHÚ YÊN

1. Nhà cổ Phú Yên (nhà lá mái)



Nêu một số đặc điểm của nhà lá mái ở Phú Yên.

Nhà lá mái ở Phú Yên được xây dựng cách nay hơn 150 năm, có tường nhà bằng đất, mái bằng tranh hoặc lá dừa, thuộc loại kiến trúc đặc biệt chỉ có duy nhất ở miền Trung. Rường cột của mỗi ngôi nhà là kết tinh nghệ thuật chạm khắc tài hoa của ông cha ta từ ngàn xưa.



Hình 7.3. Nhà lá mái cổ của cụ Trần Hiệp (thị xã Sông Cầu)
(Ảnh: Nguyễn Thượng Hỷ)

Chất liệu làm nhà lá mái ở Phú Yên chủ yếu là lá tranh (hoặc lá dừa), tre, gỗ, đất và đá – những vật liệu sẵn có tại địa phương. Đặc biệt mái nhà được phủ thêm một lớp đất nện, vừa giúp chống chọi được gió bão mùa mưa, vừa tránh được nắng nóng mùa hè và giữ ấm trong mùa đông. Ngoài ra, người ta còn dùng đá ong gia cường, gia cố bờ rào, lối ngõ thêm vững chãi, vừa an toàn vừa đẹp nơi cư trú.

Phần khung tre đỡ mái tranh được chống đỡ bằng nhiều đoạn gỗ, tre ngắn và trần mái bên dưới, đầu cột tiếp xúc với mái đất được đắp cao tạo thành ụ; đa số các mái đất đều được đắp nghiêng theo mái tranh bên trên, phần bề mặt được miết kĩ. Nếu phần mái tranh bị dột nước, bề mặt đất không bị xói và nước dễ chảy xuôi theo mái đất.



Hình 7.4. Trần mái và bộ vì kèo cổ trong nhà lá mái của cụ Trần Hiệp
(Ảnh: Ngọc Hạnh)



Hình 7.5. Một số hoạ tiết trang trí trong ngôi nhà lá mái của cụ Trần Hiệp
(Ảnh: Ngọc Hạnh)

Mặt bằng tổng thể của ngôi nhà lá mái gồm:

- Nhà chính: nơi thờ cúng và nghỉ ngơi của đàn ông.
- Nhà cầu: phần nối với nhà chính, là nơi nghỉ ngơi của phụ nữ.
- Nhà lẫm: kho chứa lúa.

– Nhà bếp, sân cát (bao gồm sân phơi bên trong): nơi nấu nướng và chế biến nông sản.

Hiện nay, đa số các ngôi nhà lá mái ở Phú Yên chỉ còn giữ lại phần nhà chính, các công trình khác đã thay đổi theo phong cách hiện đại, dẫn đến nguy cơ mất đi một loại hình kiến trúc cổ rất độc đáo. Chính vì vậy, chúng ta cần lưu giữ, bảo tồn và nâng cao ý thức giữ gìn loại hình kiến trúc đặc biệt này, đồng thời xây dựng chúng thành những điểm tham quan, tìm hiểu về văn hoá địa phương.

Theo Pierre Gourou: “Nhà lá mái là loại nhà rường lợp tranh...; mái nhà có hai lớp gồm: một mái đầu tiên bằng đất nện để khô và một mái thứ hai lợp tranh, đỡ bằng những phên đan bằng tre thô sơ được bó đất cẩn thận, khoảng cách giữa hai lớp mái đạt mức tối đa ở trên nóc là 40 cm...” (bản dịch của Đào Hùng).

2. Nhà sàn (nhà dài) của người Ê-đê



- Nêu đặc điểm, hình dáng, cấu trúc nhà sàn của người Ê-đê.
- Nêu ý nghĩa của nhà sàn trong đời sống tinh thần của người Ê-đê ở Phú Yên.

Nhà sàn là một công trình kiến trúc độc đáo, là sản phẩm tiêu biểu của tổ chức công xã thị tộc nhằm thích ứng với môi trường thiên nhiên, tránh thiên tai, thú dữ và bảo vệ sự sống của mọi thành viên trong gia đình. Nhìn toàn cảnh, nhà sàn truyền thống của người Ê-đê giống như chiếc thuyền độc mộc với hai đầu mái nhô ra trên rộng dưới hẹp mà giới kiến trúc thường ví von là kiểu “thượng khách hạ thu” (nhà dài).

Nhà sàn của người Ê-đê được làm bằng tre và gỗ, mặt sàn và vách tường bao quanh nhà làm bằng thân cây bường hoặc thân cây tre già đập dập, mái nhà lợp cỏ tranh rất dày (nay có thể lợp bằng ngói). Mỗi đầu nhà đều trở cửa ra vào: cửa chính nhìn về phía bắc, nay phổ biến nhìn ra đường đi. Trong nhà chia thành hai phần rõ rệt: phần Gar và phần Opp. Nửa phía cửa chính gọi là Gar để tiếp khách và trưng bày các vật quý giá của gia đình. Nửa còn lại gọi là Opp gồm gian bếp và chỗ ở của các đôi vợ chồng.



Hình 7.6. Nhà sàn của người Ê-đê ở Phú Yên
(Ảnh: Phương Nam)

Người Ê-đê sử dụng kết cấu cột, kèo bằng gỗ tốt để tạo sự chắc chắn cho ngôi nhà sàn. Trên các cột, kèo chạm trổ rất nhiều hoa văn hình mặt trăng, ngôi sao, ngà voi hoặc các động vật như rùa, voi, thần lùn,... thể hiện sự phong phú và gắn kết giữa con người với thiên nhiên.



Hình 7.7. Cầu thang bên trong nhà sàn của người Ê-đê
(Ảnh: Liên Nga)

Cầu thang nhà sàn của người Ê-đê luôn được đeo bằng tay từ một thân cây lớn, tạo hình chiếc thuyền lướt sóng, phía đầu cong lên, chạm khắc hình vành trăng khuyết và hình hai bầu vú. Vành trăng khuyết tượng trưng cho sự chung thủy; hai bầu vú tượng trưng cho chế độ mẫu hệ (thể hiện tín ngưỡng phồn thực của người Ê-đê).

Về hướng xây dựng, nhà sàn của người Ê-đê thường xây dựng theo hướng bắc – nam vì họ quan niệm hướng đông – tây là hướng nhà mồ. Hơn nữa, hướng nhà bắc – nam giúp tránh được gió đông bắc vào mùa khô, gió tây nam vào mùa mưa, đồng thời để tránh những luồng gió nam thổi hắt vào bếp lửa để gây ra hỏa hoạn.

3. Nhà sàn của người Chăm



Nêu đặc điểm, cấu trúc nhà sàn của người Chăm ở Phú Yên.

Cộng đồng người Chăm ở Phú Yên chủ yếu sinh sống ở các huyện miền núi. Do điều kiện địa hình nên họ rất công phu trong việc xây dựng các ngôi nhà sàn bền vững để an cư và phòng tránh thiên tai.



Hình 7.8. Buôn làng của người Chăm ở Phú Yên
(Nguồn: Báo tăng Phú Yên)

Bằng các nguyên liệu tại chỗ được khai thác từ núi rừng như: gỗ, tranh, tre, nứa, ..., người Chăm làm nhà chủ yếu bằng kỹ thuật gá lắp, với kết cấu khung sườn gồm hệ thống kèo, đòn tay, mè, rui được buộc chéo bằng dây mây rất tỉ mỉ và chắc chắn. Nhà có hình chữ nhật, thường quay mặt về hướng nam, trổ cửa lên xuống phía đầu hồi, cửa chính và cửa phụ đối diện nhau, hai bên hông có cửa sổ, tạo sự cân xứng và thoáng mát, phù hợp với điều kiện khí hậu ở vùng núi.

Nhà có bốn mái; hai mái bên và hai mái đầu hồi, đều được lợp bằng tranh. Vách nhà dùng cây lồ ô, tre đập thành mảnh hoặc chế thành thanh rồi đan thành tấm phên ghép lại. Những cây cột chính (cột cái) trong nhà làm bằng cây ké, cây cà te có lõi. Các cây đà dẽo từ cây chò, cây quỳnh. Dây buộc cột, kèo, rui, mè là những sợi mây mật dẻo bền. Chiều dài của ngôi nhà từ 7 – 9 m, chiều rộng từ 3,5 – 4 m, sàn nhà cao cách mặt đất khoảng 1,2 m.



Hình 7.9. Một ngôi nhà sàn của người Chăm ở huyện Đồng Xuân
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)

Nhà thường phân thành 3 gian, mỗi gian có chức năng riêng. Gian trong cùng là bếp chính, là chỗ nấu ăn của gia đình và cũng là chỗ ngủ của ông bà chủ nhà. Gian giữa là nơi ngủ của các con chưa vợ, chưa chồng. Gian ngoài cùng là nơi tiếp khách; tại đây có thêm một bếp phụ để nấu nước hoặc đốt lửa sưởi ấm cho khách. Nơi này cũng là chỗ để thực hiện các lễ cúng của gia đình và là nơi ngủ của khách. Phía trước nhà có một khoảng sân lộ thiên nhỏ gắn với chiếc thang gỗ để lên xuống nhà.

Hiện nay, do quá trình sống cộng cư của các dân tộc ở miền núi nên nhà sàn của người Chăm có phần biến đổi, một số nhà đã thay mái tranh bằng mái tôn, mái ngói, cột nhà làm bằng bê tông kiên cố, ... Tuy nhiên người Chăm vẫn giữ lại gian nhà sàn truyền thống (ở bên cạnh hoặc phía sau ngôi nhà chính) dùng làm nơi tổ chức một số hoạt động của gia đình.



LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. Trình bày đặc điểm, cấu trúc, hoạ tiết trang trí và ý nghĩa trong kiến trúc của một số loại hình nhà ở truyền thống của một số vùng miền ở Phú Yên.
2. Hãy giới thiệu một số ngôi nhà truyền thống của các dân tộc có ở địa phương em. Nêu giá trị kinh tế, văn hoá của các công trình kiến trúc nhà ở truyền thống đó.

VẬN DỤNG

1. Thi làm mô hình nhà ở truyền thống bằng các vật liệu có sẵn.
2. Cùng bạn bè xây dựng phương án bảo tồn và phát triển du lịch đối với các ngôi nhà ở truyền thống ở Phú Yên.

Bảng giải thích thuật ngữ

Trang	Thuật ngữ	Giải thích
6	dân tộc thiểu số	Là dân tộc chiếm số ít so với dân tộc chiếm số đông nhất trong một nước có nhiều dân tộc.
45	thăng	Dụng cụ chặt cây, vót dây rừng có lưỡi dài và cong ở phần đầu (gần giống cái rựa của người Kinh).
	rim	Từ địa phương, chỉ trạng thái ê buốt, đau nhức đầu.
47	Krông Pa	Tên sông Ba ở thượng nguồn, đoạn chảy trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
48	Krông Ana	Tên một con sông ở tỉnh Đắk Lắk.
	Klok	Tên một hồ nhỏ ở tỉnh Đắk Lắk.
	Tơ nâu Treă	Vũng nước nhỏ hơn hồ.
	Krông	Sông Krông Bla/ sông Đắk Bla, nằm ở phía bắc Tây Nguyên, là ranh giới tự nhiên giữa 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum.
	Cà Lúi	Tên một con sông chảy qua huyện Sơn Hoà.
49	chিং	chiêng
52	Suối Mít	Một dòng suối ở thôn Hoà Trinh, xã Sơn Định, huyện Sơn Hoà.
	Hòn Vung	Một địa danh ở thôn Phước Hậu, huyện Tuy An.
	Từ Bi	Tên một con suối nhỏ ở thôn Mỹ Phú 2, xã An Hiệp, huyện Tuy An.
61	rường cột	Là kết cấu của một ngôi nhà (rường là các thanh cây nằm ngang, cột là các cây trụ đứng).

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH PHÚ YÊN - LỚP 10

Mã số: - ĐTN

Số ĐKXB:

Mã ISBN:

Số QĐXB: ngày ... tháng ... năm 2022

In ... bản (QĐ in số ...), khổ (cm) 19x26,5 cm

Đơn vị in:

Cơ sở in:

Địa chỉ:

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2022.

